

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CÔNG CHỨC NĂM 2016
MÔN KIẾN THỨC CHUNG**

(ban hành kèm theo Quyết định số 2529 /QĐ-UBND ngày 07/79/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I

**HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM VÀ ĐƯỜNG LỐI
ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

1. Khái niệm hệ thống chính trị

" Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị hợp pháp trong xã hội, bao gồm Đảng chính trị, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức, nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội; củng cố, duy trì và phát triển chế độ chính trị phù hợp với lợi ích của giai cấp cầm quyền"⁽¹⁾

2. Các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Nhà nước CHXHCN Việt Nam;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

3. Bản chất, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

a. Bản chất của hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, là cơ chế thực thi quyền lực chính trị trong bối cảnh giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông nhân và đội ngũ trí thức trở thành giai cấp cầm quyền.

Như vậy, hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam là công cụ để thực hiện, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động, là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

⁽¹⁾ Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH TWĐCS Việt Nam Khóa XI

th *sh*

b. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

- Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội.
- Nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

4. Đặc điểm hệ thống chính trị Việt nam

- Có tính nhất nguyên về chính trị:
 - + Chế độ chính trị Việt Nam là thể chế chính trị do một đảng cầm quyền.
 - + Các tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng sáng lập và lãnh đạo nhằm tổ chức, đoàn kết tập hợp nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và qua đó đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình.
 - + Có sự nhất nguyên về hệ tư tưởng chính trị, đó là Chủ Nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Có tính thống nhất:
 - + Do một Đảng duy nhất lãnh đạo.
 - + Thống nhất về mục tiêu chính trị là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
 - + Thống nhất về nguyên tắc tổ chức và hoạt động, đó là nguyên tắc tập trung dân chủ.
 - + Thống nhất về hệ thống tổ chức.
- Gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Đây là đặc điểm có tính nguyên tắc của Hệ thống chính trị Việt nam. Nó khẳng định Hệ thống chính trị Việt Nam không chỉ gắn với chính trị, quyền lực chính trị mà còn gắn với xã hội. Trong hệ thống chính trị có các tổ chức chính trị như Đảng, Nhà nước, Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt Trận

Tổ Quốc Việt Nam. Do vậy hệ thống chính trị không đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội (như những lực lượng chính trị áp bức xã hội trong các xã hội có bóc lột) mà là một bộ phận của xã hội, gắn bó với xã hội. Cầu nối quan trọng giữa hệ thống chính trị với xã hội chính là Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Sự gắn bó mật thiết giữa các tổ chức chính trị xã hội với nhân dân được thể hiện trên các yếu tố sau:

+ Đây là quy luật tồn tại của Đảng, là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng cầm quyền.

+ Nhà nước là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

+ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là hình thức tập hợp, tổ chức của chính các tầng lớp nhân dân.

+ Hệ thống chính trị là trường học dân chủ của nhân dân. Mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị là phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

- Có sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc.

+ Đặc điểm nổi bật của hệ thống chính trị Việt Nam là hệ thống chính trị đại diện cho nhiều giai cấp, tầng lớp nhân dân. Các giai cấp, tầng lớp nhân dân được đại diện bởi các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, đều thừa nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Do vậy, hệ thống chính trị của nước ta mang bản chất giai cấp công nhân và tính dân tộc sâu sắc.

+ Lịch sử chính trị Việt Nam là cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, gắn liền và bắt đầu từ mục tiêu bảo vệ và giải phóng dân tộc. Các giai cấp, dân tộc đoàn kết trong đấu tranh giải phóng nền độc lập dân tộc, hợp tác để cùng phát triển. Sự tồn tại của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là thành viên quan trọng của hệ thống chính trị là yếu tố quan trọng tăng cường sự kết hợp giữa giai cấp và dân tộc.

+ Sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc được khẳng định trong bản chất của từng tổ chức thuộc hệ thống chính trị. Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp của công nhân đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã gắn kết vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, tạo nên sức mạnh tổng hợp của

toàn bộ hệ thống chính trị. Sự phân biệt giữa dân tộc và giai cấp mang tính tương đối và không có ranh giới rõ ràng.

5. Vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam

Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Các tổ chức trong hệ thống này vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, được gắn kết với nhau theo những quan hệ, cơ chế và nguyên tắc nhất định trong một môi trường văn hóa chính trị đặc thù.

a) Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị:

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.⁽²⁾

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, do đó giữ vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị và trong xã hội: Đảng không chỉ là một bộ phận cấu

⁽²⁾ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)

thành của hệ thống chính trị mà còn là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị và lãnh đạo toàn bộ xã hội. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.⁽³⁾

b) Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong hệ thống chính trị:

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trụ cột của hệ thống chính trị ở nước ta, là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Nhà nước là phương tiện quan trọng nhất của nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Nhà nước trong hệ thống chính trị có chức năng thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng thành các quy định pháp luật trong Hiến pháp, pháp luật và thực hiện quyền quản lý đất nước. Hoạt động của nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng có tính độc lập tương đối, với các công cụ và phương thức quản lý riêng của mình.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam bao gồm Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương.

- Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Điều 6 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.”

Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định: Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- “1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật;
2. Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị

⁽³⁾ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)

quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;

5. Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;

6. Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Sau khi được bầu, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp;

8. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

9. Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật;

10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;

11. Quyết định đại xá;

12. Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

13. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

14. Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội;

15. Quyết định trưng cầu ý dân.”

- *Chủ tịch nước.*

Theo Điều 86: “Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.” Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.

Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước.

Chủ tịch nước có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành

mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;

2. Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ;

3. Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá;

4. Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam;

5. Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

6. Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phong hàm, cấp đại sứ; quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế quy định tại khoản 14 Điều 70; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.

- Chính Phủ.

Theo điều 94 Hiến pháp 2013: “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.”

Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và phải báo cáo công tác với Quốc hội.

Bộ, cơ quan ngang Bộ là các cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành (hay nhóm ngành), lĩnh vực trên phạm vi cả nước và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực được giao.

Các cơ quan thuộc Chính phủ do Chính phủ thành lập theo từng nhiệm kỳ, thực hiện những nhiệm vụ nhất định do Chính phủ giao (có thể làm chức năng quản lý hành chính nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công cho Chính phủ).

- Tòa án nhân dân.

+ Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

Tòa án nhân dân gồm TAND tối cao và các Tòa án khác do luật định.

Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.”

- Viện kiểm sát nhân dân.

+ Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.”

Viện kiểm sát nhân dân gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

- Chính quyền địa phương.

Ở nước ta chính quyền địa phương hiện nay được tổ chức ba cấp (tỉnh, huyện, xã) với hai cơ quan nhà nước là Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Điều 111, Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định”.

Điều 112 Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

3. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó”.

Điều 113, Hiến pháp năm 2013 quy định: .

“1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân”.

Điều 114, Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao”.

Điều 116, Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thực hiện chế độ thông báo tình hình của địa phương cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, lắng nghe ý kiến, kiến nghị của các tổ chức này về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân động viên Nhân dân cùng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân và được mời tham dự hội nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp khi bàn các vấn đề có liên quan.”

b) Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội trong hệ thống chính trị:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị – xã hội là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

- Các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội là nơi tập hợp quần chúng, phản ánh ý chí, nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân, vì vậy là

một bộ phận không thể thiếu của một xã hội dân chủ. Các tổ chức này ở nước ta hiện nay là bộ phận không tách rời của hệ thống chính trị và là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một trong những công cụ bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Những tổ chức này có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, góp phần thực hiện và thúc đẩy quá trình dân chủ hoá và đổi mới xã hội, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Các đoàn thể chính trị - xã hội rất đa dạng, có thể là các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp,...

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN CƠ SỞ

1. Quan điểm

1. Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị phải bám sát, cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm của Cương lĩnh, Điều lệ, văn kiện Đại hội XII của Đảng, đồng bộ với nội dung Hiến pháp 2013; bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới.

2. Đổi mới, hoàn thiện đồng bộ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng bộ với đổi mới thể chế kinh tế, phù hợp với đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

3. Về tổ chức bộ máy, không nhất thiết ở Trung ương có tổ chức nào thì ở địa phương cũng có tổ chức đó. Căn cứ điều kiện cụ thể, tiêu chí và quy định khung của Trung ương, địa phương có thể lập (hoặc không lập) tổ chức sau khi được sự đồng ý của cấp trên có thẩm quyền, về biên chế, cần tăng cường kiêm nhiệm một số chức danh trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Đổi mới mạnh mẽ về tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công.

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị cần thực hiện mạnh mẽ với quyết tâm chính trị cao. Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã đủ rõ, chín muồi thì kiên quyết thực hiện. Những vấn đề chưa đủ rõ thì khẩn trương nghiên cứu, làm thí điểm và tổng kết thực tiễn để làm rõ, có bước đi thích hợp, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Những chủ trương đã thực hiện, nhưng thực tiễn khẳng định là không phù hợp thì điều chỉnh, sửa đổi ngay.

2. Mục tiêu

Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở nhằm xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn, có tính ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng hợp lý, có phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị và có tiền lương, thu nhập bảo đảm cuộc sống.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Đối với tổ chức đảng

3.1.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng:

+ Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa X, Kết luận số: 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 Hội nghị TW 7 (khóa XI) về Một số vấn đề tiếp tục đổi mới hoàn thiện HTCT từ TW đến cơ sở.

+ Bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế, quy định về quy trình công tác của các cấp ủy, tổ chức đảng, về quan hệ lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

+ Tiếp tục đổi mới cách ra nghị quyết, tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng.

- *Đổi mới, hoàn thiện tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của các tổ chức đảng các cấp:*

+ Bổ sung, hoàn thiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhiệm vụ, quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng và cấp ủy đảng các cấp theo hướng tăng thẩm quyền, trách nhiệm, mở rộng dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương.

+ Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, các chức danh lãnh đạo cấp cao của Đảng và cấp ủy các cấp có chất lượng

+ Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn cho phù hợp với thực tế và yêu cầu, nhiệm vụ mới; sơ kết việc thành lập chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn; thống nhất mô hình tổ chức đảng ở cơ sở phù hợp với tổ chức dân cư dưới cấp xã.

+ Tiếp tục nghiên cứu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đảng ủy khối ở Trung ương, địa phương, Đảng ủy Ngoài nước; mô hình tổ chức đảng ở các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước.

3.1.2. Các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Đảng

- *Ở Trung ương:*

Các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương cơ bản giữ ổn định về tổ chức

- *Ở địa phương:*

+ Thực hiện chủ trương không nhất thiết ở Trung ương có ban đảng, đảng bộ nào thì ở địa phương cũng phải có ban đảng, đảng bộ đó; căn cứ điều kiện cụ thể, tiêu chí và quy định khung của Trung ương, cấp ủy địa phương có thể lập (hoặc không lập) tổ chức sau khi được sự đồng ý của cấp ủy cấp trên có thẩm quyền.

+ Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện. Xem xét việc thành lập ban kinh tế ở một số tỉnh ủy, thành ủy.

3.2. Đối với Nhà nước

3.2.1. Quốc hội

- Nghiên cứu bổ sung một số thẩm quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực giữa 2 kỳ họp Quốc hội.

- *Kiến toàn các tổ chức trực thuộc Quốc hội:*

+ Trước mắt, giữ ổn định Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, nhưng bổ sung thêm thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban, điều chỉnh số lượng lãnh đạo cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan.

+ Kiến toàn bộ máy giúp việc của Văn phòng Quốc hội theo các khối công việc bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, gắn với hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

- *Hoàn thiện các cơ chế về đại biểu:*

+ Từng bước tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách trên cơ sở bảo đảm tính đại diện, tính chuyên nghiệp, nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu; tăng đại biểu chuyên trách làm việc ở Hội đồng dân tộc và các Ủy ban là các chuyên gia, am hiểu sâu các lĩnh vực chuyên môn.

+ Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm của đại biểu với cử tri, trước hết là cử tri tại nơi bầu cử.

- *Tiếp tục đổi mới quy trình và nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.*

3.2.2. Chủ tịch nước

- *Hoàn thiện chế định Chủ tịch nước* trong Hiến pháp và pháp luật nhằm xác định rõ và cụ thể hơn quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại, thống lĩnh các lực lượng vũ trang; quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nghiên cứu làm rõ quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chủ tịch nước.

- *Kiến toàn tổ chức bộ máy của Văn phòng Chủ tịch nước* đáp ứng yêu cầu tham mưu, giúp việc Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước trong tình hình mới theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

3.2.3. Chính phủ

- *Tiếp tục đổi mới hoạt động của Chính phủ* theo hướng xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, quản lý thống nhất, thông suốt, tinh gọn, hợp lý; nâng cao hiệu lực, hiệu quả các cơ quan hành chính nhà nước, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý trên một số lĩnh vực.

- *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chế độ công vụ, công chức.*

Trước mắt, giữ cơ bản ổn định tổ chức của Chính phủ, tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực phù hợp với thực tiễn đất nước. Phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể Chính phủ, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ. Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành tập trung vào quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, khắc phục những chồng chéo hoặc bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý; làm rõ mối quan hệ phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ; bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Hoàn thiện cơ chế phân cấp theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đồng thời bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương theo Luật tổ chức chính quyền địa phương. Chuyển những nhiệm vụ mà các cơ quan nhà nước không cần thiết phải thực hiện để giao cho các tổ chức xã hội đảm nhận.

- *Đổi mới mạnh mẽ tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công để cung ứng tốt hơn các dịch vụ cơ bản thiết yếu cho người dân, nhất là các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo.* Nhà nước tăng cường đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn. Tiếp tục đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài Nhà nước trên cơ sở các định mức, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật và sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân.

3.2.4. Chính quyền địa phương

- *Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương*, các văn bản hướng dẫn thực hiện bảo đảm việc tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, gắn với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả

hoạt động của HĐND, UBND các cấp, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát huy quyền dân chủ trực tiếp, gián tiếp của nhân dân ở địa phương.

- *Sớm hoàn thành quy hoạch* để bảo đảm cơ bản giữ ổn định số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã. Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng quy định khung các cơ quan chuyên môn giúp việc cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; căn cứ điều kiện cụ thể, tiêu chí và quy định khung của Chính phủ, địa phương có thể lập (hoặc không lập) cơ quan, tổ chức đặc thù sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Rà soát, điều chỉnh, khắc phục những chồng chéo, không rõ về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, giữa uỷ ban nhân dân cấp huyện với các sở, ngành cấp tỉnh.

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu, nhiệm vụ mới. Thực hiện khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và tương đương bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện một số chủ trương trong cơ chế lãnh đạo ở đại phương như: Thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân các cấp; bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở cấp xã, cấp huyện đối với những nơi có đủ điều kiện; bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt không phải là người địa phương.

3.2.3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tổ chức hệ thống toà án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính, giải quyết tranh chấp về đất đai; đổi mới cơ chế giám đốc thẩm, tái thẩm. Tổ chức hệ thống Viện kiểm sát nhân dân phù hợp với hệ thống tổ chức của Toà án nhân dân. Bảo đảm các điều kiện để Viện kiểm sát thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm soát hoạt động tư pháp. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức của toà án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra theo Nghị

quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp; đổi mới và kiện toàn các tổ chức hỗ trợ tư pháp.

3.3. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo.

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tăng thêm tính tự chủ, chủ động hơn trong hoạt động; không "hành chính hóa" để gàn dân, sát dân hơn.

- Thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp, quy định về giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ chế để nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền.

- Quy định chặt chẽ về tổ chức và hoạt động của các hội theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và tuân thủ pháp luật.

3.4. Về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- *Thực hiện cơ chế quản lý biên chế thống nhất của cả hệ thống chính trị.* Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế giao, quản lý và sử dụng biên chế. Thực hiện chế độ kiêm nhiệm các chức danh phù hợp để giảm biên chế. Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó lãnh đạo, quản lý ở các tổ chức trong hệ thống chính trị.

- *Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập,* xã hội hoá dịch vụ công, từng bước giảm chi lương viên chức từ ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sửa đổi quy định về cán bộ, công chức cấp xã phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất chính

trị, đạo đức, trình độ, năng lực, kỹ năng công tác; kết hợp việc đào tạo, bồi dưỡng với thực hiện luân chuyển để rèn luyện trong thực tiễn. Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu cấp chiến lược ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước. Gắn chính sách tinh giản biên chế với việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Có chính sách phù hợp với đội ngũ chuyên gia, chính sách thu hút người tài vào làm việc trong cơ quan của hệ thống chính trị; thu hút cán bộ trẻ, có trình độ đại học về công tác ở cơ sở; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, thanh niên ưu tú ở địa phương bổ sung cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện thi tuyển các chức danh quản lý ở Trung ương (đến cấp vụ trưởng), ở địa phương (đến cấp giám đốc sở) và tương đương. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng thi tuyển công chức, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh; quan tâm đào tạo cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc. Sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn bằng cấp đối với cán bộ, công chức theo hướng thiết thực, tránh hình thức và phù hợp với thực tế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA HÀ TỈNH GIAI ĐOẠN 2015-2020 THEO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIII

1. Tăng cường, đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức; nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân

Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; bằng nhiều giải pháp để thường xuyên nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Chủ động nắm chắc diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội. Tăng cường, củng cố khối đoàn kết, đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện sai trái, chia rẽ trong đội ngũ

cán bộ, đảng viên; các âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng.

Đổi mới công tác tuyên truyền theo hướng gắn lý luận với thực tiễn; tập trung tuyên truyền kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; chú trọng công tác tuyên truyền biển, đảo, thông tin đối ngoại, các phong trào thi đua yêu nước, các mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực về xây dựng nông thôn mới, công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng triển khai các công trình, dự án.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, truyền thống, đạo đức, lý tưởng cách mạng và tinh thần yêu nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ báo cáo viên; từng bước đầu tư xây dựng trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố, thị xã đạt chuẩn. Chú trọng công tác biên soạn, xuất bản lịch sử đảng bộ của địa phương và lịch sử truyền thống của ngành.

2. Tiếp tục xây dựng, củng cố tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên

Xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Chú trọng thành lập, xây dựng, củng cố các chi bộ, đảng bộ và các tổ chức đoàn thể chính trị trong các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; tăng cường công tác quản lý đảng viên, nâng cao trách nhiệm, năng lực, trình độ của chi ủy và bí thư cấp ủy. Xây dựng đội ngũ đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu, có trách nhiệm và quyết tâm cao trong công việc, có phẩm chất đạo đức trong sáng, gần gũi gắn bó với quần chúng nhân dân, có ý thức tổ chức kỷ luật và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Quan tâm công tác phát triển đảng viên theo hướng tăng nhanh số lượng và nâng cao chất lượng; phấn đấu giảm nhanh xóm chưa có đảng viên và chi bộ sinh hoạt ghép. Có giải pháp nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên ở vùng giáo.

Rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 19/8/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVI về nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn, trước hết là năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cơ sở, khả năng quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ; rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định về phân cấp quản lý cán bộ, tiêu chuẩn cán bộ, chế độ, chính sách đối với các cấp, quy chế, quy định về tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ theo hướng công khai, dân chủ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ từ thôn, xóm đến tỉnh, đáp ứng sự phát triển của tỉnh. Có cơ chế, chính sách đào tạo và thu hút cán bộ, chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực về công tác tại địa phương. Tăng cường công tác quản lý, theo dõi, đánh giá đúng cán bộ, thực hiện tốt công tác luân chuyển, sắp xếp, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kịp thời uốn nắn, xử lý nghiêm những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm. Tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Điều lệ Đảng, Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng; tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh ở các cấp, các ngành và đội

ngũ cán bộ, đảng viên; việc chấp hành nguyên tắc sinh hoạt Đảng, quy chế làm việc, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm. Tập trung chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp, đơn thư khiếu nại, tố cáo tồn đọng kéo dài trong quản lý đất đai, công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính, ngân sách.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc khắc phục, sửa chữa các khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và những khuyết điểm, hạn chế mới phát sinh. Xử lý nghiêm minh, kịp thời các tổ chức, đảng viên vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Tăng cường giám sát người đứng đầu các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra nhà nước, giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các ngành trong khối tư pháp. Tiếp tục đổi mới phương pháp, nắm vững nguyên tắc, vận dụng phù hợp quy trình thực hiện cải cách hành chính trong kiểm tra, giám sát.

Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy uỷ ban kiểm tra các cấp; chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra từ tinh đến cơ sở.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dân vận của hệ thống chính trị; tập hợp, động viên, tổ chức cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với công tác vận động quần chúng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, huy động mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi

mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận. Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân.

Đổi mới, tăng cường công tác dân vận chính quyền. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, phong trào "Dân vận khéo" gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; tăng tỷ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng đa dạng, phong phú, sát với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và yêu cầu thực tiễn đặt ra. Tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", "Ngày vì người nghèo", "Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"...

Quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo, dân tộc. Đấu tranh chống mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc, nhân quyền để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Vận động đồng bào tôn giáo, các chức sắc, chức việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Đổi mới phương thức chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương

Nâng cao chất lượng các kỳ họp, các cuộc giám sát của hội đồng nhân dân các cấp; cải tiến hình thức tiếp xúc cử tri, lắng nghe phản ánh đầy đủ nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của cử tri và nhân dân; tăng cường vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp, thực sự là cơ quan quyền lực của dân, do dân, vì dân. Triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án đổi mới phương thức hoạt động của sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, tiến hành đồng bộ cả trong hệ thống Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp. Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hội, thôn xóm, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực, kỹ năng công tác, thực sự tiên phong, gương mẫu, tâm huyết, sâu sát cơ sở, gần dân, có trách nhiệm, ý thức kỷ luật cao. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành trong các cơ quan quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, các chính sách đối với cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu mới của thời kỳ phát triển và hội nhập.

Phần II

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Khái niệm Nhà nước pháp quyền XHCN

Nhà nước pháp quyền XHCN là Nhà nước XHCN thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp, quản lý xã hội theo pháp luật nhằm phục vụ lợi ích và hạnh phúc của nhân dân, do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo đồng thời chịu trách nhiệm trước nhân dân và sự giám sát của nhân dân.

2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam có một số đặc trưng sau đây:

- *Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước pháp quyền về bản chất là một nhà nước đề cao pháp luật trong khi phải thừa nhận và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Phát huy dân chủ trong hoạt động của Nhà nước là một đòi hỏi tất yếu của Nhà nước pháp quyền XHCN.*

- *Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội. Hiến pháp và pháp luật Việt Nam phản ánh đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, vì vậy, đó là thước đo giá trị phổ biến trong xã hội và cần phải trở thành công cụ để quản lý của nhà nước.*

Nhà nước cần ban hành hệ thống pháp luật đầy đủ và hoàn chỉnh để dùng làm công cụ điều chỉnh mọi quan hệ xã hội, làm căn cứ để xây dựng trật tự xã hội. Các cơ quan nhà nước, các cán bộ, công chức nhà nước và tất cả mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội đều phải tôn trọng pháp luật, đặt mình trong vòng pháp luật, thực hiện các hoạt động tuân thủ theo pháp luật.

- *Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước tôn trọng, thực hiện và bảo vệ quyền con người, tất cả vì hạnh phúc của con người; bảo đảm trách nhiệm*

giữa nhà nước với công dân, thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Một nhà nước chỉ được coi là nhà nước pháp quyền khi nó đảm bảo được những quyền tự nhiên của con người, khi là một nhà nước dân chủ. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam chỉ xây dựng thành công khi phát huy được dân chủ XHCN với tư cách là một nền dân chủ cho đại đa số nhân dân lao động và trấn áp bọn bóc lột.

- Trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sự thống nhất quyền lực thể hiện trước hết ở sự thống nhất về mục đích của quyền lực: toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân có nghĩa là các cơ quan nhà nước dù làm nhiệm vụ lập pháp, hành pháp hay tư pháp đều là cơ quan của nhân dân, để phục vụ và bảo vệ cho lợi ích của nhân dân. Như vậy, quyền lực nhà nước thống nhất phải thể hiện sự tập trung quyền lực vào các cơ quan đại diện của dân, trước hết là cơ quan đại diện cao nhất là Quốc hội để có thể thống nhất bảo vệ một mục tiêu chung là độc lập dân tộc và lợi ích của nhân dân, đất nước và dân tộc, đi lên CNXH.

Tuy nhiên, mỗi nhánh quyền lực đều có đặc thù riêng và có những đặc điểm kỹ thuật riêng. Do đó, để nâng cao chất lượng hoạt động cần phân công và phối hợp giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, đồng thời có sự kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng sự phân công này không giống như "tam quyền phân lập" ở các nước tư bản, không phải là chia để đối trọng, không chế lẫn nhau mà các cơ quan thực thi quyền lực này lại có mối liên hệ với nhau để đạt mục tiêu chung.

- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời bảo đảm sự giám sát của nhân dân, sự giám sát và phân biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam nói chung và việc xây dựng và hoạt động của Nhà nước nói riêng là một tất yếu. Điều đó được khẳng định qua vai trò lãnh đạo không thể thiếu của Đảng Cộng sản trong

suốt quá trình tuyên truyền, chỉ đạo, tổ chức và dẫn dắt dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và đi lên xây dựng CNXH.

- Nhà nước PQXHCN Việt Nam là nhà nước thực hiện đường lối hòa bình, hữu nghị với nhân dân các dân tộc và các nhà nước trên thế giới trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi; đồng thời tôn trọng và cam kết thực hiện các công ước, điều ước, hiệp ước quốc tế đã tham gia, ký kết, phê chuẩn.

3. Sự cần thiết phải xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay

Việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay xuất phát từ tất yếu kinh tế, là một nhu cầu chính trị khách quan. Thông qua xây dựng nhà nước pháp quyền, Nhà nước ta mới có thể xác định đúng chức năng và nhiệm vụ, vị trí và vai trò của mình trong hệ thống chính trị nói riêng và trong đời sống chính trị nói chung. Đến nay, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được định hình trên những nét cơ bản và trở thành trụ cột của hệ thống chính trị nước nhà. Trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị, cùng với việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, cần xác định xây dựng và hoàn thiện nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính là xây dựng và thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; làm cho quyền lực nhà nước và hệ thống tổ chức thực thi quyền lực - hệ thống chính trị - được xác định đúng đắn và có hiệu quả hơn. Quyền lực Nhà nước được củng cố và tăng cường cũng có nghĩa là quyền lãnh đạo của Đảng được củng cố và tăng cường. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nhằm củng cố và tăng cường sức mạnh của Nhà nước.

Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện

các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”.⁽⁴⁾

Tuy nhiên, bên cạnh nhiều ưu điểm, quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng và đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói riêng của chúng ta hiện nay cũng còn bộc lộ nhiều nhược điểm cần khắc phục như:⁽⁵⁾Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước, thể hiện trên các mặt: năng lực xây dựng thể chế, quản lý, điều hành, tổ chức thực thi pháp luật còn yếu; tổ chức bộ máy ở nhiều cơ quan còn chưa hợp lý, biên chế cán bộ, công chức tăng thêm; chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chưa đủ rõ, còn chồng chéo; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới của đất nước; cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính còn gây phiền hà cho tổ chức và công dân; năng lực dự báo, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trên một số lĩnh vực yếu; phân cấp mạnh nhưng thiếu kiểm tra, kiểm soát; trật tự, kỷ cương xã hội không nghiêm. Cải cách tư pháp còn chậm, chưa đồng bộ. Công tác điều tra, giam giữ, truy tố, xét xử trong một số trường hợp chưa chính xác; án tồn đọng, án bị huỷ, bị cải sửa còn nhiều.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt được yêu cầu đề ra. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, gây bức xúc xã hội. Những nhược điểm nói trên đặt ra yêu cầu khách quan phải đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, phát triển kinh tế thị trường tạo cơ sở vật chất cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

⁽⁴⁾ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)

⁽⁵⁾ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đổi mới hệ thống chính trị là một vấn đề phức tạp và khó khăn, tuy cấp bách nhưng không thể chủ quan, nóng vội dễ dẫn tới sai lầm. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đã chỉ rõ: “Việc đổi mới hệ thống chính trị nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, không cho phép gây mất ổn định chính trị dẫn đến sự rối loạn. Nhưng không vì vậy mà tiến hành chậm trễ đổi mới hệ thống chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và các bộ; mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bởi đó là điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện dân chủ”.⁽⁶⁾ Do vậy, về nhận thức cũng như hành động thực tiễn cần quán triệt quan điểm: đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam là một quá trình lâu dài, tuy khẩn trương và với quyết tâm đổi mới cao nhưng không thể nóng vội và đơn giản hoá trong nhận thức, quan niệm cũng như trong triển khai thực hiện.⁽⁷⁾

Bên cạnh việc đổi mới tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và xã hội và đổi mới cách thức tổ chức và hoạt động của các tổ chức quần chúng, trước hết là các tổ chức chính trị-xã hội, đổi mới và nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng là một yêu cầu cấp bách và quan trọng.

Nhà nước là bộ máy cơ bản nhất để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là công cụ quan trọng nhất để phát huy dân chủ XHCN, do đó cần phải trở thành bộ máy phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích

⁽⁶⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. NXB. Sự thật, Hà Nội, tr.54.

⁽⁷⁾ Lê Minh Thông (2011): Tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị đáp ứng các yêu cầu phát triển mới của đất nước.

của Tổ quốc và của nhân dân.

Trong tình hình hiện nay, cần tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo; thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; giải quyết đúng mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân, với thị trường. Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, kỷ cương. Nhà nước chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của mọi người dân.⁽⁸⁾

Để Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý và lãnh đạo xã hội, cần làm tốt một số nội dung chủ yếu sau:

- Nâng cao nhận thức về nhà nước pháp quyền XHCN.
- Tiến hành cải cách đồng bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trên cả ba lĩnh vực cải cách lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp, trong đó lấy cải cách hành chính là trọng tâm.
- Xây dựng cơ chế và biện pháp để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân; ngăn chặn và khắc phục tình trạng dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, đồng thời nghiêm trị những hoạt động phá hoại gây rối...
- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

⁽⁸⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. NXB. Chính trị Quốc gia, tr.70.

Phần III

QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Một số vấn đề chung về bộ máy hành chính nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Hành chính nhà nước ở Việt Nam chia thành hai nhóm:

- Bộ máy hành chính nhà nước trung ương;
- Bộ máy hành chính nhà nước địa phương.

Cách thức thành lập các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam được mô tả như sau:

- Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp đóng vai trò quyết định trong việc thành lập ra các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam.

- Chính phủ và cơ cấu tổ chức của chính phủ do Quốc hội quyết định thông qua kỳ họp thứ nhất của từng nhiệm kỳ.

- Ủy ban Nhân dân các cấp do Hội đồng Nhân dân cùng cấp quyết định về cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhân dân theo luật định và các quy định của pháp luật.

Do mối quan hệ mang tính hệ thống, việc thành lập các bộ máy hành chính nhà nước địa phương đều đòi hỏi phải được sự phê chuẩn của cấp trên trong thứ bậc hành chính.

Bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

2. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trung ương

Bộ máy hành chính nhà nước trung ương ở Việt Nam được quy định trong Luật Tổ chức chính phủ và do đó, trên một nguyên tắc chung, Chính phủ có thể được thay cho bộ máy hành chính nhà nước trung ương.

2.1. Chính phủ

- Theo Điều 94 Hiến pháp năm 2013: "Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước".

Chính phủ do Quốc hội bầu tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khoá Quốc hội, đồng thời giao cho Thủ tướng đề nghị danh sách các bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ để Quốc hội phê chuẩn. Quy định pháp lý này vừa xác định vai trò và trách nhiệm của tập thể Chính phủ trước Quốc hội vừa xác định vai trò cá nhân của Thủ tướng là người lãnh đạo toàn bộ công việc của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Mặt khác cũng xác định vai trò và trách nhiệm của các bộ trưởng trong tập thể Chính phủ và vai trò cá nhân bộ trưởng về lĩnh vực mình phụ trách.

Trong điều kiện cụ thể của Việt nam, Chính phủ là một thiết chế chính trị - hành chính nhà nước, nắm quyền hành pháp, với chức năng: thống nhất việc quản lý thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; lập quy để thực hiện các luật do quyền lập pháp định ra; quản lý công việc hàng ngày của Nhà nước; tổ chức bộ máy Hành chính Nhà nước và quản lý nhân sự của bộ máy đó; chức năng tham gia quá trình lập pháp.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.*

Chính phủ lãnh đạo hoạt động của các bộ và chính quyền địa phương trên 2 phương diện:

Một mặt, Chính phủ với tư cách là cơ quan chấp hành cao nhất của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất thực hiện quyền lập quy bằng việc ban hành văn bản pháp quy dưới luật (nghị định) để thực hiện các đạo luật, các pháp lệnh và các nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có tính chất bắt buộc thi hành trên phạm vi cả nước. Các bộ, địa phương có nghĩa vụ thực hiện các văn bản pháp quy đó. Hội đồng Nhân dân các cấp căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương để ra các nghị quyết về các biện pháp thực hiện các quyết định của Quốc hội, Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và đề ra các nghị quyết cho Ủy ban Nhân dân cùng cấp thực hiện.

Mặt khác, Chính phủ với tư cách cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cấp cao nhất của toàn bộ hệ thống hành chính Nhà nước, từ Trung ương đến Ủy ban Nhân dân các cấp, các cơ quan, công sở hành chính, sự nghiệp trong cả nước.

- *Chính phủ gồm có:*

- + Thủ tướng Chính phủ;
- + Các Phó Thủ tướng;
- + Các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Số Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ do Quốc hội quyết định.

- *Cơ cấu của Chính phủ gồm có:*

- + Các bộ;
- + Các cơ quan ngang bộ.

Quốc hội quyết định thành lập hoặc bãi bỏ các bộ và các cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ (hiện nay theo Nghị quyết của Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XIII, cơ cấu tổ chức của chính phủ bao gồm 22 bộ, cơ quan ngang bộ).

- *Hoạt động của Chính phủ được tiến hành theo ba hình thức:*

+ Các phiên họp của Chính phủ (hoạt động tập thể của Chính phủ). Luật Tổ chức Chính phủ (2015) quy định cụ thể về cách thức tiến hành các kỳ họp hàng tháng của Chính phủ. Trong những trường hợp cần thiết và về các vấn đề có liên quan, Chính phủ mời Chủ tịch nước, chủ tịch Hội đồng dân tộc; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án toà án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao tham dự cuộc họp của chính phủ ⁽⁹⁾

+ Hoạt động chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng và các phó Thủ tướng là những người giúp việc Thủ tướng theo sự phân công của Thủ tướng. Khi Thủ tướng vắng

⁽⁹⁾ Xem điều 47 Luật Tổ chức Chính phủ 2015.

mặt thì một Phó Thủ tướng được Thủ tướng uỷ nhiệm thay mặt Thủ tướng lãnh đạo công tác của Chính phủ.

+ Hoạt động của các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là thành viên tham gia vào công việc chung của Chính phủ và với tư cách là người đứng đầu một bộ hay cơ quan ngang bộ.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ:*

Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ và lãnh đạo công tác của Chính phủ, các thành viên của Chính phủ, thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp. Hiến pháp 2013 (Điều 98) và Luật tổ chức Chính phủ 2015 quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng chính phủ.

2.2. Bộ và cơ quan ngang bộ

- *Bộ, cơ quan ngang bộ là yếu tố cấu thành cơ cấu tổ chức của Chính phủ.*

Khái niệm bộ thường tồn tại hai nhóm: bộ và các cơ quan ngang bộ, cho nên trong tên gọi chung có thể gọi là bộ để chỉ những cơ cấu tổ chức của Chính phủ.

Bộ, các cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước.

- *Phân loại bộ có thể chia ra 2 nhóm bộ:*

+ Bộ quản lý lĩnh vực: Đó là cơ quan hành chính nhà nước Trung ương, thực hiện sự quản lý Nhà nước theo từng lĩnh vực lớn như: kế hoạch, tài chính, ngân hàng, khoa học, công nghệ, lao động, giá, nội vụ, ngoại giao, tổ chức và công vụ.

+ Bộ quản lý ngành hoặc nhóm liên ngành: là cơ quan hành chính Nhà nước Trung ương có trách nhiệm quản lý những ngành kinh tế - kỹ thuật, văn hoá, xã hội. Đó là những bộ có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện các cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước và sự nghiệp; thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực cụ thể do bộ phụ trách.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng*

Được quy định trong Hiến pháp và Luật Tổ chức chính phủ. Điều 99 Hiến pháp 2013 quy định:

"1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ;

chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ báo cáo công tác trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý."

Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn chi tiết của bộ dựa trên quy định của Hiến pháp. Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.⁽¹⁰⁾

- *Quan hệ giữa bộ trưởng với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.* Bộ trưởng là thành viên của Chính phủ và là thủ trưởng của bộ. Bộ trưởng chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc quyền hạn, trách nhiệm thẩm quyền của bộ và chịu sự lãnh đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- *Quan hệ với Quốc hội.* Bộ trưởng chịu trách nhiệm không chỉ trước Thủ tướng Chính phủ mà cả trước Quốc hội về lĩnh vực, ngành mình phụ trách; phải trình bày vấn đề và trả lời các chất vấn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội.

- *Quan hệ với các bộ trưởng khác:* Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướng dẫn và kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có quyền kiến nghị với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những quy định do các cơ quan đó ban hành trái với các văn bản pháp luật của Nhà nước hoặc của bộ, cơ quan ngang bộ về ngành, lĩnh vực do bộ, cơ quan ngang bộ phụ trách; nếu người nhận được kiến nghị không nhất trí thì trình lên Thủ tướng quyết định.

- *Quan hệ với Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân các cấp*

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có quyền chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực

⁽¹⁰⁾ Xem Điều 39 Luật Tổ chức chính phủ năm 2015.

được phân công hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên về ngành, lĩnh vực quản lý. Đề nghị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trái với các văn bản về ngành, lĩnh vực được phân công. Nếu Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không chấp hành thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.⁽¹¹⁾

- Cơ cấu tổ chức của Bộ

Tổ chức cơ quan bộ gồm có các bộ phận cấu thành sau:

Các cơ quan giúp bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước như các vụ, Tổng cục, cục bộ phận thanh tra, văn phòng.

Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc bộ như: các vụ tổng hợp, chuyên môn làm nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề cơ bản, chiến lược, chính sách của ngành hay lĩnh vực; các tổ chức sự nghiệp nghiên cứu khoa học kỹ thuật và giáo dục.

Các tổ chức kinh doanh: Những tổ chức này là những doanh nghiệp nhà nước trực thuộc nhưng không nằm trong cơ cấu quản lý hành chính nhà nước của bộ. Nhưng đây là những đơn vị chủ quản của các bộ.

Tùy theo từng giai đoạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ được chính phủ quy định bằng Nghị định.

3. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước địa phương

Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước địa phương ở Việt Nam được quy định trong Hiến pháp và cụ thể hóa bằng Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các văn bản pháp luật khác. Theo Điều 110 Hiến pháp 2013, các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau:

“- Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương;

⁽¹¹⁾ Xem Điều 36 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015

- Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường.

- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định.

Theo Điều 111 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định."

Theo Điều 4. Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015 quy định:

"1. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Chính quyền địa phương ở nông thôn gồm chính quyền địa phương ở tỉnh, huyện, xã.

3. Chính quyền địa phương ở đô thị gồm chính quyền địa phương ở thành phố trực thuộc trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, phường, thị trấn".

- Ủy ban nhân dân - Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương có hai tư cách:

Một là, cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, chịu trách nhiệm thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và báo cáo công việc trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp. Hội đồng nhân dân có quyền bãi miễn các thành viên của Ủy ban nhân dân, giám sát các hoạt động và bãi bỏ những quyết định sai trái của Ủy ban nhân dân cùng cấp. UBND chịu sự đôn đốc của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Hai là, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chấp hành các quyết định của các cơ quan nhà nước cấp trên; thi hành pháp luật thống nhất trên cả nước. Ủy ban nhân dân các cấp chịu sự lãnh đạo thống

nhất của Chính phủ - là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn việc bầu, miễn nhiệm và quyết định điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Hiến pháp 2013, điều 98).

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân:

Nhiệm vụ, quyền hạn chung của Ủy ban nhân dân được quy định trong Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 là: chấp hành và hành chính nhà nước ở địa phương.

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân:

Cơ cấu tổ chức Ủy ban nhân dân được chia thành 2 nhóm:

+ Các thành viên của Ủy ban Nhân dân:

Chủ tịch, các phó chủ tịch và các uỷ viên Ủy ban nhân dân. Chủ tịch UBND được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu nhưng phải được chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn. Số lượng thành viên Ủy ban nhân dân do Chính phủ quy định.

+ Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân:

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân đóng vai trò “tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân” thực hiện các chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn lãnh thổ.

Cấp tỉnh và huyện có các cơ quan chuyên môn do Chính phủ quy định bằng Nghị định; cấp xã không tổ chức các cơ quan chuyên môn mà chỉ có công chức trực tiếp tham mưu giúp việc cho Ủy ban Nhân dân, Chủ tịch UBND cấp xã.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước là sự tác động, điều chỉnh của các chủ thể mang quyền lực nhà nước thông qua bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, chủ yếu bằng pháp luật với phương pháp đặc trưng là cưỡng chế tới các quá trình xã hội nhằm thiết lập trật tự, ổn định trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội theo ý chí của Nhà nước.

- Quản lý nhà nước có thể hiểu theo hai nghĩa:

+ Theo nghĩa rộng: Quản lý nhà nước là tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung trên cả ba phương diện hoạt động là lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Theo nghĩa rộng kể trên thì việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mọi cơ quan trong bộ máy nhà nước hay của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khi được Nhà nước trao quyền nhân danh Nhà nước cũng đều được coi là quản lý nhà nước.

+ Theo nghĩa hẹp: Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền hành pháp là hoạt động chấp hành, điều hành tức là tổ chức thực thi các quy định của lập pháp. Hoạt động này được gọi là quản lý hành chính nhà nước, có phạm vi hẹp hơn quản lý nhà nước theo nghĩa rộng.

2. Khái niệm quản lý hành chính nhà nước

Quản lý hành chính nhà nước được hiểu là hình thức hoạt động của Nhà nước thuộc lĩnh vực chấp hành và điều hành, được thực thi chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, có nội dung là bảo đảm chấp hành các quy định của cơ quan quyền lực nhà nước.

Tính chấp hành được thể hiện: bảo đảm thực thi trên thực tế các văn bản pháp luật của cơ quan quyền lực nhà nước và các cơ quan nhà nước cấp trên khác;

Tính điều hành thể hiện ở chỗ: chủ thể quản lý được tổ chức chỉ đạo trực tiếp trong quá trình chấp hành đối với các đối tượng quản lý.

3. Đặc điểm của quản lý hành chính nhà nước

a. Tính quyền lực nhà nước:

- Tính quyền lực nhà nước của quản lý hành chính nhà nước có nghĩa là khi thực thi các hoạt động quản lý hành chính nhà nước thì các chủ thể được nhân danh và sử dụng quyền lực do Nhà nước giao. Đặc điểm này cho thấy rõ sự khác biệt cơ bản giữa quản lý nhà nước nói chung với các hoạt động quản lý khác.

- Quản lý hành chính nhà nước phải mang tính quyền lực nhà nước là do xuất phát từ yêu cầu chung của quản lý nhà nước là phải có căn cứ trên cơ sở quyền lực nhà nước và được trang bị quyền lực nhà nước, do Nhà nước giao.

- Trong quản lý hành chính nhà nước, tính quyền lực nhà nước được biểu hiện cụ thể ở những điểm sau:

+ Có sự bất bình đẳng giữa chủ thể quản lý với các đối tượng quản lý trong mối quan hệ quản lý;

+ Chủ thể quản lý được ra mệnh lệnh đơn phương một chiều áp đặt cho đối tượng bị quản lý;

+ Có sự đe dọa áp đặt hoặc trực tiếp áp đặt biện pháp cưỡng chế (trách nhiệm hành chính) đối với đối tượng quản lý không thực hiện mệnh lệnh của chủ thể quản lý.

- Khi sử dụng quyền lực nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước cần đảm bảo các yêu cầu:

+ Việc sử dụng quyền lực phải đúng theo quy định của pháp luật;

+ Việc sử dụng quyền lực không được ảnh hưởng tới các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức

b. Tính tổ chức chặt chẽ:

- Quản lý hành chính nhà nước được tổ chức một cách khoa học và gắn kết các công đoạn, các quá trình của hoạt động quản lý với nhau để đạt được hiệu quả và hiệu lực theo mục đích đã định.

- Quản lý hành chính nhà nước đòi hỏi phải có tổ chức chặt chẽ vì mục đích của quản lý hành chính nhà nước là thực thi quyền lực nhà nước trong lĩnh vực chấp hành và điều hành, là hoạt động có tính hướng đích rõ ràng.

- Tính tổ chức chặt chẽ của quản lý hành chính nhà nước được biểu hiện ở những điểm sau:

+ Hoạt động quản lý hành chính nhà nước phải được quy định bởi quyền lực nhà nước và được bảo đảm bởi quyền lực nhà nước;

+ Hoạt động quản lý hành chính nhà nước có trình tự, thủ tục rõ ràng theo quy định của pháp luật;

- Để bảo đảm tính tổ chức chặt chẽ thì hoạt động quản lý hành chính nhà nước phải được gắn liền với tính khoa học và phải phù hợp với điều kiện thực tế khách quan.

c. Tính mục tiêu rõ ràng gắn với chiến lược và kế hoạch cụ thể:

- Tính mục tiêu trong quản lý hành chính nhà nước là việc xác định rõ các kết quả cần đạt được trong hoạt động quản lý, đồng thời phải gắn với các biện pháp thực hiện và từng bước đi cụ thể để đạt tới mục tiêu đã định.

- Hoạt động quản lý hành chính nhà nước phải có tính mục tiêu rõ ràng, vì đó là các hoạt động luôn có tính hướng đích gắn với những biện pháp và bước đi cụ thể.

- Tính mục tiêu rõ ràng của quản lý hành chính nhà nước được thể hiện ở các điểm sau:

+ Hoạt động quản lý hành chính nhà nước của các chủ thể được tiến hành theo trình tự, thủ tục luật định;

+ Để thực hiện được các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý hành chính nhà nước các chủ thể phải xây dựng các kế hoạch, chiến lược và căn cứ vào đó để thực hiện;

+ Các kế hoạch, chiến lược luôn có sự kiểm soát, giám sát của các chủ thể khác nhau;

+ Các kế hoạch, chiến lược luôn cần được điều chỉnh, cân đối để phù hợp với tình hình thực tế khách quan;

+ Phải có các tiêu chí để xây dựng các kế hoạch, chiến lược.

- Tính mục tiêu rõ ràng của quản lý hành chính nhà nước cần phải bảo đảm yêu cầu chung là gắn mục tiêu, chiến lược và kế hoạch của quản lý hành chính nhà nước trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng cộng sản (ở Việt Nam).

d. Tính có căn cứ pháp luật và chủ động, linh hoạt, sáng tạo:

- Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động được tiến hành trên cơ sở quy định của pháp luật, đồng thời phải luôn bảo đảm thích ứng với tình hình thực tế khách quan.

- Quản lý hành chính nhà nước phải có những căn cứ pháp luật vì yêu cầu chung có tính nguyên tắc trong tổ chức hoạt động quản lý xã hội của nhà nước là bằng pháp luật; đồng thời quản lý hành chính nhà nước là hoạt động quản lý xã hội rộng khắp, toàn diện, liên tục nên phải có sự linh hoạt và sáng tạo.

- Biểu hiện của tính có căn cứ pháp luật là ở chỗ: mọi hoạt động của quản lý hành chính nhà nước phải có cơ sở và căn cứ pháp lý.

Mặt khác quản lý hành chính nhà nước là hoạt động thực thi pháp luật, tức hành pháp nên phải trên cơ sở quyền lực của lập pháp.

- Biểu hiện của tính linh hoạt, sáng tạo là ở chỗ: điều hành với mục tiêu để chấp hành nên phải bằng điều hành để chấp hành, và bản thân điều hành luôn chứa đựng sự linh hoạt và sáng tạo, thể hiện rất rõ ở quyền và khả năng ứng phó trong các trường hợp chưa có quy định của pháp luật, hoặc có quy định của pháp luật nhưng quy định chưa rõ, hoặc có quy định của pháp luật nhưng đã trở lên lạc hậu.

- Yêu cầu chung đối với sự linh hoạt và sáng tạo là trong khuôn khổ của pháp luật; đồng thời đòi hỏi phải có sự thay đổi kịp thời các quy định của pháp luật từ các cơ quan có thẩm quyền khi tình hình đã thay đổi.

đ. Tính công khai, dân chủ:

- Công khai, dân chủ trong quản lý hành chính nhà nước có nghĩa là việc quản lý hành chính nhà nước phải được quy định một cách rõ ràng, minh bạch, có sự tham gia rộng rãi của nhiều chủ thể khác nhau.

- Hoạt động quản lý nhà nước đòi hỏi phải bảo đảm tính công khai, dân chủ do xuất phát từ đặc điểm thể hiện bản chất nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân nên phải mở rộng để dân biết, dân tham gia hoạt động ấy; đồng thời thông qua cơ chế này có thể kiểm soát một cách tốt nhất hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, ngăn chặn được các yếu tố tiêu cực từ hoạt động hành chính công quyền.

- Tính công khai dân chủ trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được biểu hiện ở những điểm sau:

- + Chủ thể quản lý hành chính nhà nước tôn trọng nội dung và đối tượng quản lý;
- + Có cơ chế bảo đảm để người dân tham gia vào các hoạt động quản lý mà mức độ tùy thuộc vào từng lĩnh vực cụ thể.

4. Các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước

- Nguyên tắc Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo quản lý nhà nước;
- Nguyên tắc nhân dân được tham gia rộng rãi vào hoạt động quản lý nhà nước;
- Nguyên tắc tập trung, dân chủ trong hoạt động quản lý nhà nước;
- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa;
- Nguyên tắc kế hoạch và khách quan.

- Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành, lĩnh vực với quản lý theo lãnh thổ
- Nguyên tắc phân định quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh

5. Chức năng của quản lý hành chính nhà nước

- Một cách khái quát và chung nhất thì quản lý hành chính nhà nước có chức năng thiết lập trật tự quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội đất nước.
 - Cụ thể có phân chia quản lý hành chính nhà nước thực hiện các chức năng cơ bản sau:
 - + Chức năng thực hiện và bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân;
 - + Chức năng tổ chức và quản lý phát triển nền kinh tế;
 - + Chức năng tổ chức và quản lý các hoạt động văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, thể dục, thể thao;
 - + Chức năng thực hiện các chính sách xã hội;
 - + Chức năng điều hành, phòng, chống tội phạm bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội;
 - + Chức năng bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân;
 - + Chức năng xây dựng và củng cố quốc phòng, bảo vệ đất nước;
 - + Chức năng tăng cường và củng cố các quan hệ hợp tác quốc tế.
- ### **6. Các quy trình hoạt động chủ yếu của quản lý hành chính nhà nước**
- Quản lý hành chính nhà nước bao gồm các quy trình cơ bản sau:
- + Quy hoạch, kế hoạch phát triển chung của cả nước, của từng ngành, từng địa phương;
 - + Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước;
 - + Sắp xếp, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức;
 - + Ra các quyết định quản lý hành chính nhà nước và tổ chức thực thi các quyết định đó;
 - + Phối hợp hoạt động trong quản lý hành chính nhà nước;
 - + Tổ chức sử dụng các nguồn lực tài chính và công sản;

+ Tổ chức giám sát, kiểm tra, báo cáo, tổng kết, đánh giá kết quả của quản lý hành chính nhà nước.

III. CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC

1. Công vụ

a. Khái niệm công vụ:

Công vụ là một loại hoạt động mang tính quyền lực - pháp lý được thực thi bởi đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước hoặc những người khác khi được nhà nước trao quyền nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong quá trình quản lý toàn diện các mặt hoạt động của đời sống xã hội. Công vụ là phục vụ nhà nước, phục vụ nhân dân, gắn với quyền lực nhà nước.

b. Đặc trưng công vụ:

- Về mục tiêu hoạt động công vụ:

Với bản chất nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, nên công vụ nhà nước không có mục đích tự thân của nó, mục tiêu công vụ phải vì nhân dân, phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Mục tiêu bao quát này chi phối mọi hoạt động công vụ của cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước, chi phối toàn bộ nền công vụ nhà nước.

Trong hoạt động công vụ, các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình nhằm đạt được mục tiêu chung nhất của hệ thống các cơ quan nhà nước. Mục tiêu này được cụ thể hoá thành các nhóm mục tiêu sau:

Mục tiêu theo ngành, lĩnh vực;

Mục tiêu theo lãnh thổ;

Mục tiêu của từng loại tổ chức, cơ quan;

- Về quyền lực và quyền hạn trong thực thi công vụ:

Trong hoạt động công vụ, các cơ quan nhà nước được sử dụng quyền lực nhà nước. Đây là một dấu hiệu rất quan trọng để phân biệt hoạt động công vụ với các hoạt động khác. Quyền lực nhà nước có một số đặc trưng sau:

Quyền lực nhà nước khó có thể lượng hóa, được quy định trên cơ sở pháp luật;

Quyền lực nhà nước trao cho từng tổ chức mang tính pháp lý;

Quyền lực nhà nước trao cho tổ chức được quy định trong các quyết định thành lập;

Quyền lực nhà nước trao cho cá nhân trong quyết định cụ thể. Khi muốn thay đổi, bổ sung và rút bớt quyền lực đòi hỏi phải có quyết định mới thay thế cho quyết định đã có.

Quyền hạn được hiểu là quyền lực pháp lý của nhà nước được trao cho các tổ chức và cá nhân để thực thi công vụ. Quyền hạn luôn gắn liền với nhiệm vụ được trao. Nói cách khác, quyền hạn gắn liền với công việc được đảm nhận chứ không gắn liền với người. Trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, quyền hạn là yếu tố cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, nhưng quyền hạn được trao phải tương xứng với nhiệm vụ. Nếu nhiệm vụ được giao không kèm theo đầy đủ quyền hạn thì sẽ có không ít những nhiệm vụ không được thực hiện và như vậy mục tiêu chung của cơ quan nhà nước sẽ không đạt được; ngược lại khi có nhiều quyền hạn mà quá ít việc phải làm cũng có thể sinh ra lạm dụng.

- Về nguồn lực để thực thi công vụ:

Hoạt động công vụ được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước. Bao gồm toàn bộ kinh phí hoạt động cho bộ máy nhà nước, tiền lương của cán bộ, công chức và kinh phí cho các cá nhân được nhà nước trao quyền tham gia hoạt động công vụ.

- Về quy trình thực thi công vụ:

Do công vụ là một dạng hoạt động đặc biệt, khác với các hoạt động thông thường khác nên quy trình thực thi công vụ có một số đặc trưng cơ bản sau đây:

Mang tính pháp lý: Hoạt động công vụ của các cơ quan nhà nước thực chất là hoạt động thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do nhà nước giao thông qua văn bản pháp luật. Chính vì vậy, mang tính pháp lý cao.

Tuân thủ theo quy định: Hoạt động công vụ được quy định thành các quy tắc, thủ tục do đó trong quá trình thực thi công vụ, các cán bộ, công chức phải tuân thủ chặt chẽ các quy tắc và thủ tục đã được quy định

Công khai: Hoạt động công vụ là hoạt động phục vụ nhân dân và sử dụng nguồn lực của nhà nước vì vậy phải được công khai

Bình đẳng: Hoạt động công vụ phải đảm bảo mọi người được cung cấp dịch vụ thông qua công vụ bình đẳng

Có sự tham gia của các chủ thể có liên quan: Hoạt động công vụ không chỉ được thực thi bởi các cơ quan nhà nước mà còn có sự tham gia của nhân dân, của các chủ thể khác khi được Nhà nước trao quyền. Đặc biệt, xu hướng xã hội hóa một số dịch vụ công do Nhà nước đảm nhận trước đây làm cho vai trò của các chủ thể khác trong quá trình thực thi công vụ ngày càng gia tăng.

c. Các nguyên tắc hoạt động công vụ:

- Các nguyên tắc công vụ là những tư tưởng, quan điểm chi phối toàn bộ hoạt động công vụ nhà nước, hoạt động công vụ của cán bộ, công chức nhà nước. Đây là những tư tưởng, quan điểm có tính chất nền tảng phản ánh bản chất của công vụ, quyết định định hướng của nền công vụ của quốc gia. Nền công vụ có thực sự mang tính phục vụ nhân dân hay không tùy thuộc vào việc tôn trọng, thực hiện những nguyên tắc công vụ như thế nào.

- Các nguyên tắc hoạt động của nền công vụ bao gồm:

+ Nguyên tắc tuân thủ pháp luật (hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác, quy định chung, v.v.);

+ Đúng quyền hạn được trao;

+ Chịu trách nhiệm với công vụ thực hiện;

+ Thống nhất trong quá trình thực thi công vụ giữa các cấp, ngành, lãnh thổ;

+ Nguyên tắc công khai;

+ Nguyên tắc minh bạch;

- Nguyên tắc công vụ quy định trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008⁽¹²⁾

+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật;

+ Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân;

+ Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát;

+ Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả;

+ Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.

⁽¹²⁾ Xem Điều 3 Luật cán bộ, công chức (2008)

2. Công chức

a. Khái niệm công chức:

Theo Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 “công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp và trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đối với công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập thì lương được bảo đảm từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật”.

Trên cơ sở quy định của luật Cán bộ, công chức, Nghị định 06/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ đã quy định rõ những người là công chức của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Ngoài ra còn có công chức cấp xã. Đó là những người được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Như vậy, công chức, theo Luật Cán bộ, công chức không bao gồm những người làm việc do Nhà nước chỉ định, bổ nhiệm trong các tổ chức kinh tế của nhà nước. Đó là những thực thể hoạt động dựa trên nguyên tắc lợi nhuận. Đối với nhóm lực lượng vũ trang, công an nhân dân, những người là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, hạ sĩ quan chuyên nghiệp cũng không thuộc vào phạm vi công chức.

b. Phân biệt công chức với những nhóm người khác (với cán bộ, viên chức và những người làm hợp đồng trong các tổ chức của Nhà nước):

- Phân biệt với cán bộ:

Theo Luật Cán bộ, công chức 2008: “Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của

Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước”⁽¹³⁾. Ngoài ra, phạm vi cán bộ còn bao gồm những người được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị – xã hội. Đây là nhóm cán bộ xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

Như vậy nếu công chức là nhóm người được tuyển dụng, bổ nhiệm thì cán bộ là nhóm người được bầu và làm việc theo nhiệm kỳ.

- Phân biệt với viên chức:

Theo Luật Viên chức 2010: “*Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật*”⁽¹⁴⁾. Đặc điểm việc làm của viên chức là không mang tính quyền lực công mà chủ yếu mang tính chuyên môn, nghề nghiệp. Đây cũng là dấu hiệu cơ bản để phân biệt nhóm viên chức với công chức.

- Phân biệt công chức với lao động hợp đồng:

Đây là những người được tuyển vào làm việc theo cơ chế hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, những người Nhà nước thuê để làm việc cho Nhà nước và được nhà nước trả công. Trong thực thi công việc được giao, hành vi của họ được quy định và điều chỉnh bằng Bộ Luật lao động.

c. Phân loại công chức:

Điều 34 Luật cán bộ, công chức quy định phân loại công chức như sau:

“1. Căn cứ vào ngạch được bổ nhiệm, công chức được phân loại như sau:

a) Loại A gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương;

⁽¹³⁾ Xem Điều 4, Luật Cán bộ, công chức 13/11/2008

⁽¹⁴⁾ Xem Điều 2, Luật Viên chức 2010

b) Loại B gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương;

c) Loại C gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương;

d) Loại D gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên.

2. Căn cứ vào vị trí công tác, công chức được phân loại như sau:

a) Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

b) Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.”

d. Nghĩa vụ và quyền của công chức

- Nghĩa vụ của công chức:

Luật Cán bộ, công chức năm 2008 đã xác định rõ nghĩa vụ của cán bộ công chức bao gồm các nhóm nghĩa vụ: trung thành với Đảng, với nhà nước với nhân dân; nghĩa vụ trong thực thi công vụ; nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan tổ chức. Ngoài ra công chức còn phải thực hiện nghiêm những điều không được làm. Điều 8, 9 và 10 của Luật quy định cụ thể các nhóm nghĩa vụ của cán bộ, công chức như sau:

+ Nghĩa vụ của công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân:

* Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia.

* Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

* Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân.

* Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

+ Nghĩa vụ của công chức trong thi hành công vụ:

* Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

* Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.

* Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

* Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.

* Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

* Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- *Nghĩa vụ của công chức là người đứng đầu:*

Ngoài việc thực hiện quy định những nghĩa vụ trên, cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

+ Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;

+ Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;

+ Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- *Những điều công chức không được làm:*

Ngoài ra công chức phải thực hiện nghiêm những việc không được làm liên quan đến đạo đức công vụ, đến bí mật nhà nước; những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

- Quyền của công chức:

Quyền của cán bộ, công chức được quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14 Luật Cán bộ Công chức năm 2008, bao gồm quyền lực pháp lý được Nhà nước trao cho để thực thi công vụ và quyền lợi của công chức được hưởng khi làm việc cho Nhà nước, cụ thể:

+ Được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ:

- “1. Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ.
2. Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật.
3. Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
5. Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ.”

+ Về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương:

- “1. Được Nhà nước bảo đảm tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.
2. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.”

+ Quyền của cán bộ, công chức về nghỉ ngơi:

Cán bộ, công chức được nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ để giải quyết việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ,

công chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hàng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ.

+ *Các quyền khác của cán bộ, công chức*

Cán bộ, công chức được bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; nếu bị thương hoặc hy sinh trong khi thi hành công vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

đ. Khen thưởng và kỷ luật công chức:

- *Khen thưởng công chức:*

+ Được quy định tại Điều 76. Luật Cán bộ Công chức:

“1. Cán bộ, công chức có thành tích trong công vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Cán bộ, công chức được khen thưởng do có thành tích xuất sắc hoặc công trạng thì được nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên khi xem xét bổ nhiệm chức vụ cao hơn nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu.”

+ Khen thưởng cán bộ, công chức thực hiện theo Luật thi đua khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng năm 2013 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng năm 2013.

- *Miễn trách nhiệm đối với cán bộ công chức:* Theo Điều 77 Luật Cán bộ Công chức, Cán bộ, công chức được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1. Phải chấp hành quyết định trái pháp luật của cấp trên nhưng đã báo cáo người ra quyết định trước khi chấp hành;

2. Do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

- *Kỷ luật đối với công chức:*

+ Được quy định tại các Điều 79, 80, 81, 82,83 Luật Cán bộ, Công chức như sau:

“1. Công chức vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức;
- đ) Cách chức;
- e) Buộc thôi việc.

2. Việc giáng chức, cách chức chỉ áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

3. Công chức bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; công chức lãnh đạo, quản lý phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bổ nhiệm.”

+ Kỷ luật cán bộ, công chức được quy định cụ thể tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ Quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.

+ Kỷ luật đối với công chức cấp xã được quy định tại Chương 6, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

+ Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật:

“1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn do Luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xem xét xử lý kỷ luật.

Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, kể từ thời điểm có hành vi vi phạm.

2. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 02 tháng; trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 04 tháng.

3. Trường hợp cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật; trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật.”

+ Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức:

“1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức có thể ra quyết định tạm đình chỉ công tác trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, nếu để cán bộ, công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu cán bộ, công chức bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian tạm giữ, tạm giam được tính là thời gian nghỉ việc có lý do; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ.

2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, cán bộ, công chức được hưởng lương theo quy định của Chính phủ.”

+ Các quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức bị kỷ luật:

1. Cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 06 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; nếu bị giáng chức, cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

2. Cán bộ, công chức bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; hết thời hạn này, nếu cán bộ, công chức không

vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc.

4. Cán bộ, công chức bị kỷ luật cách chức do tham nhũng thì không được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý. ”

Kỷ luật công chức cần phải dựa trên các tiêu chuẩn quy định để xem xét, không tùy tiện, không cảm tính và phải đảm bảo các yêu cầu sau: công khai; dân chủ; bình đẳng; đúng người, đúng việc; đúng pháp luật; kỷ luật phải có tác dụng giáo dục, rèn luyện cán bộ, công chức và người lao động, thông qua đó làm cho hoạt động công vụ tốt hơn, vì vậy trong kỷ luật người làm việc cho tổ chức hành chính nhà nước phải đảm bảo tuân thủ những nguyên tắc nhất định⁽¹⁵⁾.

IV. VĂN BẢN HÀNH CHÍNH VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

1. Văn bản hành chính

1.1. Khái niệm

Văn bản hành chính là văn bản do các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) ban hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ cụ thể của cơ, tổ chức mà không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Phân loại văn bản hành chính

a. Văn bản hành chính cá biệt (còn gọi là văn bản áp dụng pháp luật)

- Khái niệm:

Văn bản hành chính cá biệt là những quyết định quản lý hành chính thành văn mang tính áp dụng pháp luật do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền

⁽¹⁵⁾ Nghị định 34/2011/NĐ-CP về xử lý kỷ luật công chức quy định các nguyên tắc cơ bản sau: Khách quan, công bằng; nghiêm minh, đúng pháp luật.

1A 4

ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định nhằm đưa ra quy tắc xử sự riêng áp dụng một lần đối với một hoặc một nhóm đối tượng cụ thể, được chỉ rõ.

- Các loại văn bản hành chính cá biệt:

+ Lệnh: là một trong những hình thức văn bản do các chủ thể ban hành nhằm đưa ra quyết định quản lý cá biệt đối với cấp dưới.

+ Nghị quyết: là một trong những hình thức văn bản do một tập thể chủ thể ban hành nhằm đưa ra quyết định quản lý cá biệt đối với cấp dưới.

+ Nghị định quy định cụ thể về tổ chức, địa giới hành chính thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

+ Quyết định là một trong những hình thức văn bản do các chủ thể ban hành nhằm đưa ra quyết định quản lý cá biệt đối với cấp dưới.

+ Chỉ thị: một trong những hình thức văn bản do các chủ thể ban hành có tính đặc thù, nhằm đưa ra quyết định quản lý cá biệt đối với cấp dưới có quan hệ trực thuộc về tổ chức với chủ thể ban hành. Chỉ thị thường dùng để đôn đốc nhắc nhở cấp dưới thực hiện những quyết định, chính sách đã ban hành.

+ Điều lệ, quy chế, quy định, nội quy,... có tính chất nội bộ. Đây là loại văn bản được ban hành bằng một văn bản khác, trình bày những vấn đề có liên quan đến các quy định về hoạt động của một cơ quan, tổ chức nhất định.

b. Văn bản hành chính thông thường

- Khái niệm:

Văn bản hành chính thông thường là loại văn bản hình thành trong hoạt động quản lý nhà nước, được sử dụng giải quyết những công việc có tính chất như hướng dẫn, trao đổi, đôn đốc, nhắc nhở, thông báo...

- Các loại văn bản hành chính thông thường:

+ Công văn;

+ Thông cáo;

+ Thông báo;

+ Báo cáo;

+ Tờ trình;

+ Biên bản;

- + Dự án, đề án;
- + Kế hoạch, chương trình;
- + Diễn văn;
- + Công điện;
- + Các loại giấy (giấy mời, giấy đi đường, giấy ủy nhiệm, giấy nghỉ phép,...);
- + Các loại phiếu (phiếu gửi, phiếu báo, phiếu trình,...).

2. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính

2.1. Kỹ thuật biên tập nội dung văn bản hành chính

a. Những yêu cầu về nội dung văn bản hành chính:

Nội dung văn bản phải bảo đảm những yêu cầu cơ bản sau:

- Phù hợp với hình thức văn bản được sử dụng;
- Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; phù hợp với quy định của pháp luật;
- Được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, chính xác;
- Sử dụng ngôn ngữ viết, cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu;
- Dùng từ ngữ tiếng Việt Nam phổ thông (không dùng từ ngữ địa phương và từ ngữ nước ngoài nếu không thực sự cần thiết). Đối với thuật ngữ chuyên môn cần xác định rõ nội dung thì phải được giải thích trong văn bản;
- Chỉ được viết tắt những từ, cụm từ thông dụng, những từ thuộc ngôn ngữ tiếng Việt dễ hiểu. Đối với những từ, cụm từ được sử dụng nhiều lần trong văn bản thì có thể viết tắt, nhưng các chữ viết tắt lần đầu của từ, cụm từ phải được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau từ, cụm từ đó;
- Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản, trích yếu nội dung văn bản (đối với luật và pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của luật, pháp lệnh), ví dụ: "... được quy định tại Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư"; trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó;

- Viết hoa trong văn bản hành chính được thực hiện theo Phụ lục VI, Quy định viết hoa trong văn bản hành chính, Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

b. Kỹ thuật biên tập nội dung văn bản hành chính:

- Kết cấu nội dung văn bản:

Kết cấu nội dung văn bản là cách sắp xếp và tổ chức các phần, các ý sao cho liên kết chặt chẽ với nhau để tạo nên một nội dung vững chắc.

Kết cấu nội dung văn bản cần đảm bảo 3 yếu tố: kết cấu chủ đề, kết cấu dàn bài, kết cấu ý tứ:

+ Kết cấu chủ đề:

Chủ đề là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ văn bản. Các quy định trong văn bản đều phải xoay quanh chủ đề, đối tượng thi hành để thực hiện. Mỗi văn bản chỉ có một chủ đề và chủ đề không quá rộng.

+ Kết cấu bố cục:

Kết cấu dàn bài là sắp xếp nội dung văn bản theo từng phần, chương, điều, mục của văn bản. Các phần trong văn bản phải được bố trí, sắp xếp một cách hợp lý, thống nhất và tập trung. Trật tự dàn bài thường đi từ đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và kết thúc vấn đề.

+ Kết cấu ý tứ (logic):

Trên cơ sở dàn bài, việc phân bố các ý tưởng vào từng phần của văn bản cần đảm bảo có sự lập luận logic, chặt chẽ. Việc đặt vấn đề như thế nào thì phải có sự lý giải, luận chứng, giải quyết vấn đề dứt điểm và kết luận vấn đề cũng phải từ phân tích hệ quả pháp lý trên mà ra.

- Phương pháp trình bày nội dung văn bản:

+ Luận chứng về nội dung: Có hai luận chứng:

* Luận chứng bằng số liệu, sự việc là việc dùng những con số, sự việc cụ thể nói lên những thông tin, nhằm tác động vào lý trí của người đọc văn bản, thuyết phục người đọc, làm cho người đọc hiểu rõ vấn đề, tin tưởng tính chính xác của văn bản. Luận chứng bằng số liệu, sự việc là cơ sở luận chứng của lý lẽ, phải đảm bảo yêu cầu đầy đủ số liệu, nhưng không có nghĩa là liệt kê mà đòi hỏi có tính tổng hợp cao.

* Luận chứng bằng lý lẽ là dùng lời văn để bình hoặc nhận định về các số liệu đã nêu trên nhằm tác động vào tình cảm, lý trí của người đọc, nâng cao sức thuyết phục của văn bản.

+ Các phương pháp diễn đạt nội dung văn bản hành chính:

Có nhiều phương pháp diễn đạt nội dung văn bản. Thông thường người soạn thảo văn bản sử dụng các phương pháp cơ bản sau:

* Phương pháp quy nạp: Là đi từ cái riêng đến cái chung; từ việc trình bày kết quả quan sát, nghiên cứu các hiện tượng cụ thể, riêng biệt, đơn nhất đến khái quát, tổng quát, tổng kết; từ luận cứ riêng suy ra nguyên tắc, nguyên lý phổ biến.

* Phương pháp diễn dịch: Là đi từ cái chung, cái khái quát đến cái riêng, cái cụ thể; vận dụng nguyên lý chung để xem xét những sự vật riêng biệt.

* Kết hợp quy nạp với diễn dịch: Việc kết hợp này giúp cho người đọc văn bản nhận thức dễ dàng hơn. Quy nạp và diễn dịch luôn đi đôi với nhau trong lập luận; bổ sung, hỗ trợ cho nhau làm tăng tính thuyết phục của văn bản.

Ngoài các phương pháp nêu trên còn có thể sử dụng các phương pháp khác như: Phương pháp so sánh, phương pháp nhân - quả...

Nội dung và hình thức của văn bản có mối quan hệ biện chứng. Một văn bản tuy có nội dung tốt, song diễn đạt thiếu mạch lạc, kể lể dài dòng, dùng từ không chuẩn ... thì không phản ánh đầy đủ, chính xác nội dung.

2.2. Kỹ thuật biên tập hình thức văn bản hành chính

a. Khái niệm thể thức văn bản:

Là tập hợp các thành phần cấu thành văn bản, bao gồm những thành phần chung áp dụng đối với các loại văn bản và các thành phần bổ sung trong những trường hợp cụ thể hoặc đối với một số loại văn bản nhất định.

b. Kỹ thuật trình bày văn bản:

Kỹ thuật trình bày văn bản hành chính bao gồm khổ giấy, kiểu trình bày, định lề trang văn bản, vị trí trình bày các thành phần thể thức, phong chữ, cỡ chữ, kiểu chữ và các chi tiết trình bày khác, được áp dụng đối với văn bản soạn thảo trên máy vi tính và in ra giấy; văn bản được soạn thảo bằng các phương pháp hay phương tiện kỹ thuật khác hoặc văn bản được làm trên giấy mẫu in sẵn. Những nội

dung cụ thể được quy định tại Thông tư số 01/2011/TT- BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

c. Văn phong văn bản hành chính:

Văn bản hành chính sử dụng văn phong pháp luật – hành chính với các đặc điểm sau:

- Tính chính xác, rõ ràng;
- Tính phổ thông, đại chúng;
- Tính khách quan, phi cá tính;
- Tính trang trọng, lịch sự;
- Tính khuôn mẫu.

d. Kỹ thuật sử dụng từ ngữ trong văn bản hành chính:

- Lựa chọn và sử dụng từ đúng ngữ nghĩa.
- Sử dụng đúng văn phong pháp luật – hành chính.
- Sử dụng từ đúng chính tả tiếng Việt.
- Dùng từ đúng quan hệ kết hợp.

đ. Kỹ thuật sử dụng câu trong văn bản hành chính:

- Các loại câu thường sử dụng trong văn bản hành chính:
 - + Câu tường thuật;
 - + Câu mệnh lệnh;
 - + Câu khẳng định và câu phủ định;
 - + Câu chủ động và câu bị động;
 - + Câu đơn và câu ghép.
- Dấu câu: Văn bản hành chính không nên sử dụng các loại dấu câu sau: Dấu hỏi (?), dấu chấm than (!), dấu chấm lửng (...)

2.3. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính được quy định tại Chương II, Thông tư số 01/2011/TT- BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, cụ thể như sau:

- Quốc hiệu:

Quốc hiệu ghi trên văn bản bao gồm 2 dòng chữ: “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” và “**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**”.

Quốc hiệu được trình bày ở phía trên cùng, bên phải của tờ văn bản; chiếm khoảng 1/2 trang giấy theo chiều ngang.

- Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản:

Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tập đoàn Kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 không ghi cơ quan chủ quản.

Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản bao gồm tên của cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có) (đối với các tổ chức kinh tế có thể là công ty mẹ) và tên của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

a) Tên của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản phải được ghi đầy đủ hoặc được viết tắt theo quy định tại văn bản thành lập, quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy, phê chuẩn, cấp giấy phép hoạt động hoặc công nhận tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền,

b) Tên của cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp có thể viết tắt những cụm từ thông dụng như Ủy ban nhân dân (UBND), Hội đồng nhân dân (HĐND), Việt Nam (VN).

Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản chiếm khoảng 1/2 trang giấy theo chiều ngang, ở phía trên, bên trái, ngang với quốc hiệu.

- Số, ký hiệu của văn bản:

+ Số của văn bản

Số của văn bản là số thứ tự đăng ký văn bản tại văn thư của cơ quan, tổ chức. Số của văn bản được ghi bằng chữ số Ả-rập, bắt đầu từ số 01 vào ngày đầu năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

+ Ký hiệu của văn bản

* Ký hiệu của văn bản có tên loại bao gồm chữ viết tắt tên loại văn bản theo bảng chữ viết tắt tên loại văn bản và bản sao và chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc

chức danh nhà nước (áp dụng đối với chức danh Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ) ban hành văn bản.

* Ký hiệu của công văn bao gồm chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn và chữ viết tắt tên đơn vị (vụ, phòng, ban, bộ phận) soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo công văn đó (nếu có).

Trường hợp các Hội đồng, các Ban tư vấn của cơ quan được sử dụng con dấu của cơ quan để ban hành văn bản và Hội đồng, Ban được ghi là “cơ quan” ban hành văn bản thì phải lấy số của Hội đồng, Ban.

Việc ghi ký hiệu công văn do UBND cấp huyện, cấp xã ban hành bao gồm chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn và chữ viết tắt tên lĩnh vực được giải quyết trong công văn.

Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức và các đơn vị trong mỗi cơ quan, tổ chức hoặc lĩnh vực (đối với UBND cấp huyện, cấp xã) do cơ quan, tổ chức quy định cụ thể, bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu.

Số, ký hiệu của văn bản được đặt canh giữa dưới tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

Từ “Số” được trình bày bằng chữ in thường, ký hiệu bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng; sau từ “Số” có dấu hai chấm; với những số nhỏ hơn 10 phải ghi thêm số 0 phía trước; giữa số và ký hiệu văn bản có dấu gạch chéo (/), giữa các nhóm chữ viết tắt ký hiệu văn bản có dấu gạch nối (-) không cách chữ.

- Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản:

+ Địa danh ghi trên văn bản là tên gọi chính thức của đơn vị hành chính (tên riêng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn) nơi cơ quan, tổ chức đóng trụ sở; đối với những đơn vị hành chính được đặt tên theo tên người, bằng chữ số hoặc sự kiện lịch sử thì phải ghi tên gọi đầy đủ của đơn vị hành chính đó, cụ thể như sau:

* Địa danh ghi trên văn bản của các cơ quan, tổ chức Trung ương là tên của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan, tổ chức đóng trụ sở.

* Địa danh ghi trên văn bản của các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh:

> Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương: là tên của thành phố trực thuộc Trung ương.

> Đối với các tỉnh là tên của tỉnh.

Trường hợp địa danh ghi trên văn bản của cơ quan thành phố thuộc tỉnh mà tên thành phố trùng với tên tỉnh thì ghi thêm hai chữ thành phố. (TP)

* Địa danh ghi trên văn bản của các cơ quan, tổ chức cấp huyện là tên của huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

* Địa danh ghi trên văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và của các tổ chức cấp xã là tên của xã, phường, thị trấn đó.

* Địa danh ghi trên văn bản của các cơ quan, tổ chức và đơn vị vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

+ Ngày, tháng, năm ban hành văn bản

Ngày, tháng, năm ban hành văn bản phải được viết đầy đủ; các số chỉ ngày, tháng, năm dùng chữ số Ả-rập; đối với những số chỉ ngày nhỏ hơn 10 và tháng 1, 2 phải ghi thêm số 0 ở trước.

Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản được trình bày trên cùng một dòng với số, ký hiệu văn bản, các chữ cái đầu của địa danh phải viết hoa; sau địa danh có dấu phẩy; địa danh và ngày, tháng, năm được đặt canh giữa dưới Quốc hiệu.

- Tên loại và trích yếu nội dung của văn bản:

Tên loại văn bản là tên của từng loại văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành. Khi ban hành văn bản đều phải ghi tên loại, trừ công văn.

Trích yếu nội dung của văn bản là một câu ngắn gọn hoặc một cụm từ phản ánh khái quát nội dung chủ yếu của văn bản.

Tên loại của các loại văn bản có ghi tên loại (nghị quyết, quyết định, kế hoạch, báo cáo, tờ trình và các loại văn bản khác) được đặt canh giữa dưới tên loại văn bản, bên dưới trích yếu có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài của dòng chữ và đặt cân đối so với dòng chữ,

Trích yếu nội dung công văn được đặt canh giữa dưới số và ký hiệu văn bản.

- Nội dung văn bản:

Nội dung văn bản được trình bày ngay dưới tên loại và trích yếu nội dung văn bản (đối với văn bản có tên loại); sau tên các tổ chức, cá nhân (đối với công văn).

Đối với những văn bản có phần căn cứ pháp lý để ban hành thì sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu “chấm phẩy”, riêng căn cứ cuối cùng kết thúc bằng dấu “phẩy”.

Nội dung văn bản được bố cục theo phần, chương, mục, điều, khoản, điểm hoặc được phân chia thành các phần, mục, khoản, điểm.

- Quyền hạn, chức vụ, họ tên và chữ ký của người có thẩm quyền:

+ Việc ghi quyền hạn của người ký được thực hiện như sau:

* Trường hợp ký thay mặt tập thể thì phải ghi chữ viết tắt “TM.” (thay mặt) vào trước tên tập thể lãnh đạo hoặc tên cơ quan, tổ chức,

* Trường hợp ký thay người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì phải ghi chữ viết tắt “KT.” (ký thay) vào trước chức vụ của người đứng đầu.

Trường hợp cấp phó được giao phụ trách thì thực hiện như cấp phó ký thay cấp trưởng;

* Trường hợp ký thừa lệnh thì phải ghi chữ viết tắt “TL.” (thừa lệnh) vào trước chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

* Trường hợp ký thừa ủy quyền thì phải ghi chữ viết tắt “TUQ.” (thừa ủy quyền) vào trước chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

+ Chức vụ của người ký:

Chức vụ ghi trên văn bản là chức vụ lãnh đạo chính thức của người ký văn bản trong cơ quan, tổ chức; chỉ ghi chức vụ không ghi những chức vụ mà Nhà nước không quy định như: cấp phó thường trực, cấp phó phụ trách, v.v...; không ghi lại tên cơ quan, tổ chức, trừ các văn bản liên tịch, văn bản do hai hay nhiều cơ quan, tổ chức ban hành; việc ký thừa lệnh, ký thừa ủy quyền do các cơ quan, tổ chức quy định cụ thể bằng văn bản.

Chức danh ghi trên văn bản do các tổ chức tư vấn (không thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan được quy định tại quyết định thành lập; quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan) ban hành là chức danh lãnh đạo của người ký văn bản trong ban hoặc hội đồng. Đối với những ban, hội đồng không được phép sử

dùng con dấu của cơ quan, tổ chức thì chỉ ghi chức danh của người ký văn bản trong ban hoặc hội đồng, không được ghi chức vụ trong cơ quan, tổ chức.

+ Họ tên bao gồm họ, tên đệm (nếu có) và tên của người ký văn bản

Đối với văn bản hành chính, trước họ tên của người ký, không ghi học hàm, học vị và các danh hiệu danh dự khác. Đối với văn bản giao dịch; văn bản của các tổ chức sự nghiệp giáo dục, y tế, khoa học hoặc lực lượng vũ trang được ghi thêm học hàm, học vị, quân hàm.

Quyền hạn, chức vụ của người ký được trình bày phía dưới nội dung văn bản về phía bên trái tờ văn bản; chức vụ khác của người ký được trình bày phía dưới chữ ký và dấu.

Họ tên của người ký văn bản được trình bày phía dưới chữ ký và dấu.

Chữ ký của người có thẩm quyền được trình bày dưới quyền hạn, chức vụ của người ký.

- Dấu của cơ quan, tổ chức:

+ Việc đóng dấu trên văn bản được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư và quy định của pháp luật có liên quan; việc đóng dấu giáp lai đối với văn bản, tài liệu chuyên ngành và phụ lục kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP.

+ Dấu của cơ quan, tổ chức được đóng trùm lên 1/3 phía đầu chữ ký của người ký văn bản; dấu giáp lai được đóng vào khoảng giữa mép phải của văn bản hoặc phụ lục văn bản, trùm lên một phần các tờ giấy; mỗi dấu đóng tối đa 05 trang văn bản.

- Nơi nhận:

Nơi nhận phải được xác định cụ thể trong văn bản. Căn cứ quy định của pháp luật; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức và quan hệ công tác; căn cứ yêu cầu giải quyết công việc, đơn vị hoặc cá nhân soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đề xuất những cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân nhận văn bản trình người ký văn bản quyết định.

Đối với văn bản chỉ gửi cho một số đối tượng cụ thể thì phải ghi tên từng cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản; đối với văn bản được gửi cho một hoặc một số nhóm đối tượng nhất định thì nơi nhận được ghi chung.

Đối với những văn bản có ghi tên loại, nơi nhận bao gồm từ “Nơi nhận” và phân liệt kê các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân nhận văn bản.

Đối với công văn hành chính, nơi nhận bao gồm hai phần:

- Phần thứ nhất bao gồm từ “Kính gửi”, sau đó là tên các cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị, cá nhân trực tiếp giải quyết công việc;

- Phần thứ hai bao gồm từ “Nơi nhận” (ngang hàng với thẩm quyền đề ký) phía dưới là từ “Như trên”, tiếp theo là tên các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan khác nhận văn bản.

- Các thành phần khác:

+ Dấu chỉ mức độ mật được đóng ở dưới số và ký hiệu văn bản hoặc đóng trên Quốc hiệu.

+ Dấu chỉ mức độ khẩn được đóng ở dưới số và ký hiệu văn bản.

+ Phạm vi, đối tượng được phổ biến, sử dụng hạn chế, sử dụng các chỉ dẫn về phạm vi lưu hành được trình bày trên Quốc hiệu.

+ Đối với công văn, ngoài các thành phần được quy định có thể bổ sung địa chỉ cơ quan, tổ chức; địa chỉ thư điện tử (E-Mail); số điện thoại, số Telex, số Fax; địa chỉ trang thông tin điện tử (Website) trình bày ở phía dưới cùng trang thứ nhất của văn bản.

+ Đối với những văn bản cần được quản lý chặt chẽ về số lượng bản phát hành phải có ký hiệu người đánh máy và số lượng bản phát hành, được trình bày phía dưới, góc bên phải các tổ chức, cá nhân nơi nhận văn bản.

+ Trường hợp văn bản có phụ lục kèm theo thì trong văn bản phải có chỉ dẫn về phụ lục đó. Phụ lục văn bản phải có tiêu đề; văn bản có từ hai phụ lục trở lên thì các phụ lục phải được đánh số thứ tự bằng chữ số La Mã.

+ Văn bản có hai trang trở lên thì phải đánh số trang bằng chữ số Ả-rập.

V. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Quan niệm về cải cách hành chính nhà nước

- Cải cách hành chính nhà nước được hiểu là những thay đổi có tính hệ thống, lâu dài và có mục đích nhằm làm cho hệ thống hành chính nhà nước hoạt động tốt hơn, thực hiện tốt hơn các chức năng, nhiệm vụ quản lý xã hội của mình. Như vậy, cải cách hành chính nhằm thay đổi và làm hợp lý hóa bộ máy hành chính, với mục đích tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

- *Cải cách hành chính nhà nước* là một trong những nội dung quan trọng của khoa học hành chính, có ý nghĩa không chỉ về mặt lý luận mà còn mang tính thực tiễn cao. Mọi hoạt động cải cách hành chính nhà nước đều hướng tới việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhằm đáp ứng các yêu cầu quản lý cụ thể của mỗi quốc gia trong mỗi giai đoạn phát triển.

2. Cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam

2.1. Sự cần thiết phải cải cách hành chính ở Việt Nam

Cải cách hành chính ở nước ta hiện nay diễn ra trong khuôn khổ của cải cách nhà nước theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là tiền đề quan trọng để thực hiện thành công quá trình đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc đẩy mạnh cải cách hành chính ở nước ta hiện nay là:

- *Quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN*

Cải cách hành chính hướng tới việc nâng cao khả năng hoạt động của bộ máy hành chính để giúp cho quá trình quản lý xã hội của Nhà nước được tốt hơn, trước hết là quản lý nền kinh tế, định hướng cho nền kinh tế phát triển theo đúng định hướng của Nhà nước. Mỗi nền kinh tế cần phải được quản lý theo cách thức riêng. Quản lý nhà nước đối với kinh tế là để cho nền kinh tế phát triển ổn định, theo đúng định hướng, khắc phục và giảm thiểu những nhược điểm của cơ chế thị trường.

Sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ mới đòi hỏi Nhà nước, mà trực tiếp là nền hành chính phải hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực pháp lý theo cơ chế mới để đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt phải điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

- Những bất cập còn tồn tại của nền hành chính

+ Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ máy hành chính trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được xác định thật rõ và phù hợp; sự phân công, phân cấp giữa các ngành và các cấp chưa thật rành mạch;

+ Hệ thống thể chế hành chính chưa đồng bộ, còn chông chéo và thiếu thống nhất; thủ tục hành chính trên nhiều lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp; trật tự, kỷ cương chưa nghiêm;

+ Tổ chức bộ máy còn chồng chéo, nhiều tầng nấc; phương thức quản lý hành chính vừa tập trung quan liêu lại vừa phân tán, chưa thông suốt; chưa có những cơ chế, chính sách tài chính thích hợp với hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức làm dịch vụ công;

+ Đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều điểm yếu về phẩm chất, tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính; phong cách làm việc chậm đổi mới; tề quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu nhân dân còn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, công chức;

+ Bộ máy hành chính ở các địa phương và cơ sở chưa thực sự gắn bó với dân, không nắm chắc được những vấn đề nổi cộm trên địa bàn, lúng túng, bị động khi xử lý các tình huống phức tạp.

+ Chế độ quản lý tài chính không phù hợp với cơ chế thị trường. Việc sử dụng và quản lý nguồn tài chính công chưa chặt chẽ, lãng phí và kém hiệu quả.

- Quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hoá là một quá trình khách quan có ảnh hưởng sâu rộng đến tất cả các quốc gia. Quá trình này khiến cho các quốc gia trên toàn thế giới trở nên gần nhau hơn, quan hệ với nhau chặt chẽ hơn và sự thâm thấu, phụ thuộc vào nhau cũng nhiều hơn. Các quốc gia đang đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng phải đối mặt với nhiều thách thức mới ở tầm quốc tế.

Hội nhập quốc tế là một đòi hỏi đối với các quốc gia để có thể tận dụng được cơ hội, đồng thời hạn chế những thách thức trong toàn cầu hoá để có thể phát triển. Bộ máy hành chính của các quốc gia phải vận động nhanh nhạy hơn để tăng cường khả năng cạnh tranh của quốc gia trong quá trình hội nhập và phân công lao động mang tính toàn cầu. Điều đó đòi hỏi thể chế hành chính và đội ngũ cán bộ phải thích

ứng với pháp luật và thông lệ quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia.

- Sự phát triển của khoa học-công nghệ

Những ảnh hưởng của cách mạng kỹ thuật – công nghệ có ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có hoạt động quản lý. Những biến đổi này đặt ra trước nền hành chính truyền thống những thách thức mới. Điều đó đòi hỏi phải cải cách nền hành chính, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới phương pháp quản lý nhân sự để theo kịp những tiến bộ chung của thế giới.

- Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với Nhà nước ngày càng cao

Công cuộc đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu, nâng cao mức sống và nhận thức của người dân. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi của người dân đối với các hoạt động của nhà nước ngày càng cao hơn. Nhân dân đòi hỏi và mong muốn được thực hiện quyền làm chủ hợp pháp một cách đầy đủ, được yên ổn sinh sống, làm ăn trong môi trường an ninh, trật tự và dân chủ, không bị phiền hà, sách nhiễu, được đảm bảo cung cấp các dịch vụ công một cách đầy đủ và có chất lượng. Điều đó đòi hỏi nhà nước phải phát huy dân chủ, thu hút sự tham gia của người dân vào quản lý nhà nước và phải công khai, minh bạch trong các hoạt động của mình.

2.2. Quan điểm, mục tiêu và yêu cầu cải cách hành chính

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương về cải cách hành chính và luôn xác định cải cách hành chính là một khâu quan trọng để phát triển đất nước. Các cơ quan nhà nước đã xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch về cải cách hành chính theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010. Hiện nay, Chính Phủ Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Quá trình cải cách hành chính công cần quán triệt đầy đủ quan điểm, mục tiêu và yêu cầu cơ bản sau:

2.2.1. Quan điểm cải cách nền hành chính

- Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân.

- Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

2.2.2. Mục tiêu cải cách hành chính

- Mục tiêu chung

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực; hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn tới năm 2020 là: *“Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công”*⁽¹⁶⁾.

- Mục tiêu cụ thể

Để đạt mục tiêu tổng quát nêu trên, cần phải xác định rõ các nhiệm vụ cụ thể, bao quát các nội dung của cải cách hành chính công. Cụ thể như sau:

- Chức năng của các cơ quan trong hệ thống hành chính được xác định phù hợp, không còn sự chồng chéo, trùng lặp, chuyển những việc không nhất thiết phải

⁽¹⁶⁾ Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ, ngày 08 tháng 11 năm 2011 về chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020.

do cơ quan nhà nước thực hiện cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận;

- Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gọn nhẹ, hợp lý, theo nguyên tắc bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực;

- Chính quyền địa phương các cấp được tổ chức hợp lý, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và tổ chức bộ máy chính quyền ở đô thị và nông thôn;

- Thủ tục hành chính liên quan tới cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng đơn giản;

- Phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước được tiếp tục đổi mới theo hướng hiệu quả;

- Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công được triển khai trên diện rộng, chất lượng dịch vụ công được nâng cao;

- Thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm, khắc phục xong về cơ bản tình trạng công chức cấp xã không đạt tiêu chuẩn theo chức danh;

- Đến năm 2020, tiền lương của cán bộ, công chức được cải cách cơ bản, bảo đảm cuộc sống của cán bộ, công chức và gia đình;

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2.2.3. Yêu cầu cải cách hành chính

- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu hoàn thiện nhanh và đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ trong đời sống xã hội; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và sự tham gia của mọi người dân vào tiến trình phát triển của đất nước.

- Cải cách hành chính nói chung, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính phải bảo đảm tạo thuận lợi nhất cho nhân dân, doanh nghiệp và góp phần tích cực chống quan liêu, phòng và chống tham nhũng lãng phí.

- Xây dựng tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, giữa các cấp chính quyền, giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, giữa tập thể và người đứng đầu

cơ quan hành chính; hoạt động có kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và tận tụy phục vụ nhân dân.

- Cải cách hành chính phải hướng tới xây dựng một nền hành chính hiện đại, ứng dụng có hiệu quả thành tựu phát triển của khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin.

3. Kế hoạch cải cách hành chính của Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2020⁽¹⁷⁾

3.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; đảm bảo sự thông suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhằm xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, thông thoáng, thuận lợi nhằm tạo điều kiện tối đa phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện giai đoạn 2011-2015 của Chương trình tổng thể CCHC tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012-2020 theo Quyết định số 587/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 29/02/2012 của UBND tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện CCHC toàn diện trên tất cả 06 nhiệm vụ chung, đặc biệt tập trung cao thực hiện có hiệu quả 04 nhiệm vụ đột phá của giai đoạn 2016-2020 là: Cải cách tổ chức bộ máy; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hiện đại hóa nền hành chính nhằm đảm bảo xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước các cấp hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước; hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp được cải cách cơ

⁽¹⁷⁾ Kế hoạch Số: 239/KH-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh Cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

bản; xây dựng nguồn nhân lực có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác CCHC.

b) Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020:

- Phân đầu từ nay đến năm 2020, Hà Tĩnh luôn được xếp trong nhóm các tỉnh, thành phố có các chỉ số nội dung của Chỉ số PAPI nằm trong nhóm 05 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất; Chỉ số PAR INDEX luôn nằm trong top 10 địa phương có thứ hạng cao nhất của cả nước.

- Thủ tục hành chính (TTHC) được cải cách cơ bản theo hướng hiện đại, đơn giản; giảm chi phí cho cá nhân, tổ chức khi giải quyết thủ tục hành chính; 100% các TTHC của các cấp, các ngành được công khai thống nhất trên môi trường mạng Internet; 100% các TTHC được rà soát hàng năm; tiếp tục thực hiện đơn giản hóa tối đa đối với các TTHC có thành phần hồ sơ phức tạp, giảm thời gian giải quyết TTHC; 100% TTHC và TTHC liên thông được phân kỳ thời gian giải quyết; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020; 100% các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện đúng TTHC và thời gian giải quyết các TTHC đã được công bố, công khai sau đơn giản hóa.

- Thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về sắp xếp tổ chức bộ máy đề ra (có đề án riêng).

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và 02 Trung tâm hành chính công cấp huyện làm điểm vào năm 2017. Phân đầu đến năm 2020, 100% các huyện, thành phố, thị xã hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm hành chính công cấp huyện; trên 70% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã đạt chuẩn theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, trình độ và năng lực thi hành công vụ, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp theo vị trí việc làm; 100% cán bộ, công chức, viên chức chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP khi đến hạn;

80% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ hàng năm.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế, từ năm 2016-2021 giảm tối thiểu 10% so với biên chế năm 2015. Giải quyết cơ bản tình trạng dôi dư viên chức.

- 100% các đơn vị, địa phương thực hiện quản lý cán bộ, công chức thông qua hệ thống phần mềm chuyên dụng.

- Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80%; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 90%.

- Thực hiện giao quyền tự chủ về biên chế và tài chính cho 100% các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thu nhập tăng thêm bình quân đạt từ 2-3 tháng lương ngạch bậc đối với các cơ quan hành chính; từ 3-4 tháng lương ngạch bậc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; 100% doanh nghiệp kê khai và nộp thuế qua mạng, tham gia hải quan điện tử.

- Hoàn thành Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây. Ứng dụng và tích hợp đồng bộ, liên thông các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện triển khai ứng dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện sẵn sàng cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 20-30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; 100% các cơ quan nhà nước thực hiện công khai, minh bạch thông tin theo quy định; 100% cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử khi tham gia giao dịch Bảo hiểm, Thuế và Hải quan (xuất nhập khẩu); Tỷ lệ đăng ký kinh doanh qua mạng đạt trên 80%; 100% bệnh viện, chi cục, trung tâm, trạm chuyên khoa cấp tỉnh, huyện, trạm y tế ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào các hoạt động quản lý, điều hành, hỗ trợ khám chữa bệnh; 100% trường học các cấp ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản lý, điều hành, giảng dạy và giao dịch với phụ huynh, học sinh; Tỷ lệ doanh nghiệp

tham gia Thương mại điện tử đạt 80%; Một số dịch vụ công cộng cơ bản như y tế, giáo dục... được tin học hóa.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước ứng dụng phần mềm dùng chung trong hoạt động của Trung tâm hành chính công và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông vào năm 2018.

- 100% các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCN) cấp 2 trực thuộc CQHCCN cấp tỉnh, UBND các thị trấn thuộc huyện, các xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và 52 xã, phường, xây dựng nông thôn mới thuộc các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, áp dụng, công bố hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; Tổ chức triển khai thí điểm việc xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan đảng và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh; Triển khai xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 tại các đơn vị sự nghiệp công lập của các ngành. Tổ chức triển khai ISO điện tử tại một số sở, ban, ngành và cấp huyện.

3. 2. Yêu cầu

- Nâng cao chất lượng toàn diện triển khai CCHC tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp từ tỉnh đến xã.

- Gắn kết chặt chẽ việc triển khai các nhiệm vụ, đề án, dự án CCHC; tăng cường chỉ đạo, phối hợp giữa các cấp chính quyền, các đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2016-2020, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Đôn đốc, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm trong CCHC giai đoạn 2016-2020.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm trong CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn vừa qua, đồng thời chủ động nghiên cứu kinh nghiệm của các tỉnh, thành phố khác trong cả nước để áp dụng phù hợp với thực tiễn Hà Tĩnh.

3.3. Nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020

3.3.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; Kế hoạch CCHC giai

đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chương trình, kế hoạch thực hiện CCHC trên các lĩnh vực: Thể chế, TTHC, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và Trung tâm hành chính công một số đơn vị cấp huyện làm điểm; tiến tới xây dựng Trung tâm hành chính công tại 100% các đơn vị cấp huyện.

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 35, Kết luận số 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 33/QĐ-UBND của UBND tỉnh về xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang; Quyết định số 3713/QĐ-UBND về đổi mới phương thức hoạt động của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và hoạt động của UBND tỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án 3713.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện CCHC đạt hiệu quả cao nhất; xây dựng quy chế đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện CCHC tại các đơn vị, địa phương.

- Bổ sung, hoàn thiện Bộ tiêu chí đánh giá xác định chỉ số CCHC tại các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã đảm bảo tính chính xác cao nhất. Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại việc thực hiện CCHC đối với các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ theo kế hoạch và đột xuất, đặc biệt là trong thực thi công vụ và việc giải quyết các TTHC cho cá nhân, tổ chức tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo xử lý, khắc phục kịp thời những vi phạm, hạn chế, tồn tại.

- Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức làm CCHC và cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Các sở, ngành, địa phương tổ chức tập huấn chuyên sâu nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho công chức phụ trách một cửa thuộc đơn vị, lĩnh vực phụ trách theo ngành dọc.

- Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC, phát triển đa dạng các hình thức tuyên truyền, chú trọng thực hiện chuyên đề CCHC trên Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh, công tác truyền thanh cơ sở.

- Chỉ đạo các địa phương, đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động nâng cao các Chỉ số PAPI, PAR INDEX theo Chương trình hành động của UBND tỉnh.

3.3.2. Cải cách thể chế

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tiềm năng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành và hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Rà soát để sửa đổi, hoàn thiện cơ chế chính sách đã ban hành nhằm xây dựng hệ thống chính sách chung của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp.

- Tổ chức, theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở tất cả các lĩnh vực nhằm đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật.

- Định kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật. Xuất bản tập sách hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND tỉnh ban hành từ năm 2000 đến nay còn hiệu lực.

3.3.3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa tối đa TTHC, nhất là những TTHC còn nhiều thành phần hồ sơ; giảm thời gian giải quyết (giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết TTHC so với thời gian giải quyết TTHC được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành); chuẩn hóa bộ TTHC theo Quyết định số 08/2015/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; trọng tâm đơn giản hóa TTHC liên quan các lĩnh vực thuế, hải quan, đầu tư, đất đai, xây dựng, an sinh xã hội.

- Tiến hành rà soát, phân kỳ giải quyết TTHC, trọng tâm phân kỳ những TTHC liên thông các cấp và những TTHC khâu cuối được giải quyết tại Văn phòng UBND tỉnh; xác định trách nhiệm, thẩm quyền của cá nhân, tổ chức trong giải quyết TTHC gắn với việc đánh giá cán bộ, công chức hàng năm.

- Kiểm soát hệ thống giải quyết TTHC trên phần mềm nhằm đảm bảo quy định và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, gắn với việc đánh giá, xếp loại CCHC, xếp loại thi đua của các đơn vị, địa phương hàng năm.

- Đôn đốc, kiểm tra thực hiện trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống phát thanh cơ sở về công tác cải cách TTHC để người dân, doanh nghiệp nắm bắt các chủ trương, chính sách của tỉnh đối với công tác này.

- Tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính còn rườm rà, chồng chéo, bất cập.

- Định kỳ tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

3.3.4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Thực hiện Đề án nâng cao năng lực, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị.

- Quy định đảm bảo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các sở, ban, ngành, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tinh giản biên chế của tỉnh giai đoạn 2016-2021. Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, gắn với tinh giản biên chế; thực hiện thống nhất việc quản lý biên chế trong cả hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ tuyển dụng 50% số nghỉ hưu hoặc tinh giản biên chế.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện đánh giá xác định để chuyển một số nhiệm vụ sang hoạt động tự chủ hoặc cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sáp nhập, giảm đầu mối đối với các tổ chức Hội có tính chất tương đồng gắn với chủ trương hỗ trợ kinh phí cho các Hội sau sáp nhập, đối với các hội hoạt động riêng lẻ thì chuyển sang hình thức giao tự chủ về tài chính.

- Rà soát và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền theo quy định, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới; Việc phân cấp, ủy quyền phải đồng bộ, gắn với việc thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn và xử lý những sai phạm trong thực hiện phân cấp.

- Thực hiện quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố theo Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh. Rà soát, sắp xếp đối với các đơn vị cấp xã có quy mô nhỏ.

3.3.5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức; thực hiện tuyển dụng công chức trong cả hệ thống chính trị một cách khách quan, minh bạch, đúng pháp luật; triển khai Đề án vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức theo ngạch.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế, đảm bảo từ năm 2016-2021 giảm tới thiểu 10% so với biên chế năm 2015. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giải quyết cơ bản tình trạng dôi dư viên chức.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của từng ngành, từng cấp. Xây dựng tiêu chuẩn chức danh trường, phó phòng các tổ chức, đơn vị thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

- Thực hiện đổi mới công tác đánh giá cán bộ, đánh giá công chức; việc đánh giá phải căn cứ vào kết quả, hiệu quả công tác của cán bộ, công chức; thẩm quyền đánh giá thuộc về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ, công chức; chú trọng thành tích, kết quả công tác của cán bộ, công chức, coi đó là thước đo chính để đánh giá phẩm chất, trình độ, năng lực của cán bộ, công chức.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh,

huyện, xã theo tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh và ngạch công chức, gắn đào tạo với quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ; tổ chức các lớp bồi dưỡng trang bị kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ, kiến thức văn hóa công sở; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công chức, ý thức kỷ luật của cán bộ, công chức, viên chức.

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hàng năm việc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP; Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Đôn đốc, kiểm tra đảm bảo 100% vị trí được chuyển đổi khi đến hạn theo quy định. Xây dựng quy chế luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý giữa các đơn vị trong cả hệ thống chính trị nhằm tăng cường nguồn lực cho một số lĩnh vực, một số địa phương (ngoài các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

3.3.6. Cải cách tài chính công

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giám sát hoạt động tài chính của các doanh nghiệp; định kỳ phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thẩm định kế hoạch tài chính hàng năm của doanh nghiệp nhà nước; cấp kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định.

- Xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2015-2020; hướng dẫn các doanh nghiệp nhà nước cơ chế chính sách về đổi mới, sắp xếp, tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và đôn đốc, chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện theo lộ trình đã được phê duyệt; các đơn vị đã cổ phần hóa, thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán và thực hiện thoái vốn theo lộ trình.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đối với việc cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

- Tham mưu xây dựng, hoàn thiện các chính sách cải cách về thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ ưu đãi đầu tư... Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị; quan tâm, tham mưu bố trí kinh phí và thực hiện đầy đủ,

kịp thời các chính sách của Đảng và nhà nước đối với các đối tượng xã hội như Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân các gia đình Liệt sỹ, thương bệnh binh...

- Tham mưu thực hiện cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với 03 tổ chức khoa học công nghệ chưa thực hiện chuyển đổi sang mô hình tự đảm bảo kinh phí hoạt động khi đơn vị đủ điều kiện.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề, văn hóa - thể thao và du lịch, thông tin truyền thông và báo chí, khoa học và công nghệ khi có các nghị định, thông tư hướng dẫn của Trung ương.

3.3.7. Hiện đại hóa nền hành chính

3.3.7.1. Về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước:

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 23/3/2016 của UBND tỉnh; hoàn thiện cơ bản khung Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh. Hình thành hệ thống thông tin công khai, minh bạch của tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai đồng bộ, liên thông hệ thống văn phòng điện tử thông minh, một cửa điện tử, hệ thống thư điện tử, hệ thống gửi nhận văn bản điện tử, ứng dụng chữ ký số trong giao dịch bằng văn bản điện tử trên phạm vi toàn tỉnh (từ cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh đến cấp huyện).

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh đảm bảo là điểm truy cập duy nhất của UBND tỉnh trên môi trường mạng; đồng thời đáp ứng yêu cầu đồng bộ, liên kết, tích hợp các hệ thống thông tin quản lý nhà nước và các dịch vụ công trực tuyến của tất cả các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh.

- Hình thành Công dịch vụ công cấp tỉnh, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn và tích hợp với Công dịch vụ công quốc gia. Tạo điều kiện tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp giao dịch, khai thác và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trong tỉnh.

- Triển khai đồng bộ hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, từng bước triển khai mức độ 4 tại tất cả cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo điều kiện liên thông, quản lý tập trung.

- Triển khai mạnh mẽ hoạt động ứng dụng CNTT trong giáo dục và y tế, trong đó chú trọng giải pháp thuê dịch vụ nhằm huy động tối đa nguồn lực xã hội, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả và đảm bảo tính đồng bộ trong khai thác ứng dụng và quản lý. Thí điểm và nhân rộng việc ứng dụng CNTT cung cấp các dịch vụ công cộng thiết yếu trên địa bàn.

- Lập và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng thành phố Hà Tĩnh thông minh đến năm 2030.

- Phát triển thương mại điện tử gắn chuỗi sản xuất hàng hóa và xây dựng nông thôn mới; nâng cấp, phát triển Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, chất lượng, thương hiệu sẵn sàng tham gia hiệp định TTP với WTO và các hiệp ước các tỉnh trong khu vực, quốc tế.

- Triển khai thực hiện ứng dụng CNTT kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO thành hệ thống ISO điện tử trên địa bàn toàn tỉnh.

3.3.7.2. Về áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các đơn vị, địa phương

- Duy trì, cải tiến hệ thống tại các CQHCNN đã áp dụng ISO theo hướng ứng dụng CNTT trong quản lý, đảm bảo 100% các CQHCNN duy trì, cải tiến HTQLCL đúng yêu cầu TCVN ISO 9001:2008. Thực hiện quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 phù hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Triển khai xây dựng mới hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001:2008 tại 143 đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố HTQLCL tại các đơn vị, địa phương đã áp dụng.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ trong nghiên cứu khoa học, chú trọng các sáng kiến phục vụ CCHC.

3.3.8. Về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Hoàn thiện một cách đồng bộ các điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự, quy trình giải quyết TTHC và việc bố trí các điều kiện đảm bảo phục vụ cho người dân và doanh nghiệp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20/6/2016 của UBND tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã.

- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ bưu điện theo yêu cầu của người dân, doanh nghiệp để giảm thiểu tiêu cực, tiết kiệm chi phí và giảm thời gian đi lại của người dân theo tinh thần của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh

Phần IV

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2015 - 2020 THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVIII VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVIII CỦA UBND TỈNH HÀ TĨNH

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy dân chủ, đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; mở rộng hội nhập; huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, gắn với nền nông nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đầu tư phát triển văn hóa - xã hội và hệ thống đô thị ngang tầm với phát triển kinh tế; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị; đưa Hà Tĩnh phát triển nhanh hơn, bền vững hơn theo hướng công nghiệp hiện đại.

2. Nhiệm vụ đột phá

- Đa dạng hoá huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng sớm trở thành khu kinh tế động lực tầm cỡ quốc gia, quốc tế; phát triển nhanh các ngành công nghiệp nặng, cơ khí, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và công nghiệp hỗ trợ.

- Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện.

- Đầu tư phát triển các đô thị theo hướng văn minh, hiện đại gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển dịch vụ thương mại, du lịch trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh và liên kết vùng, liên vùng và khu vực.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt trên 22%/năm.

- Đến năm 2020: GRDP bình quân đầu người đạt trên 120 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng (khu vực nông thôn đạt 65 triệu đồng); tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trên 56%; dịch vụ trên 34%; nông, lâm nghiệp, thủy sản dưới 10%; thu ngân sách trên địa bàn đạt 46.000 tỷ đồng, trong đó thu nội địa trên 24.000 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt trên 5 tỷ USD; giá trị sản xuất đạt 140 triệu đồng/ha/năm; tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 60% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp; độ che phủ rừng trên 55%; trên 50% số xã, 3 - 4 huyện đạt chuẩn nông thôn mới và có xã nông thôn mới kiểu mẫu; hằng năm bình quân mỗi xã có thêm ít nhất 3 - 5 doanh nghiệp, 3 - 4 hợp tác xã, 10 tổ hợp tác; tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường trên 75%; tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom trên 96%; tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn trên 85%; 100% dân số thành thị được sử dụng nước sạch, dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ gia đình văn hoá đạt trên 85%; tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa trên 65%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa trên 90%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: mầm non trên 85%, tiểu học 100%, trung học cơ sở trên 90%, trung học phổ thông 100%; 90% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; đạt 8,5 bác sĩ /vạn dân; 90% trạm y tế có bác sĩ; trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10,2%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,77%/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%; trên 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; trên 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,5 - 3%/năm theo chuẩn mới.

- 100% đơn vị đạt tiêu chuẩn cơ sở an toàn làm chủ - sẵn sàng chiến đấu; 100% xã, phường, thị trấn ổn định chính trị.

- Hằng năm có trên 70% tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; bình quân mỗi năm kết nạp trên 3.500 đảng viên.

- Xây dựng thành phố Hà Tĩnh đạt đô thị loại II, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh đạt đô thị loại III.

4. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu

4.1. Tiếp tục xây dựng, rà soát, bổ sung các quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại;

phát triển hệ thống đô thị và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các quy hoạch theo ngành, lĩnh vực, vùng, liên vùng và sản phẩm chủ lực; quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị, đảm bảo kết nối trong nội vùng, trong tỉnh và trong cả nước. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

4.2. Tích cực đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chú trọng các ngành công nghiệp hỗ trợ. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ cảng biển lớn của cả nước, khu vực và quốc tế. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn. Thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, thủ công mỹ nghệ. Ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ cá thể, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

- Phát triển nền nông nghiệp toàn diện, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh công nghệ cao theo hướng hiện đại, xây dựng nông thôn mới bền vững. Thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp đi vào chiều sâu. Quy hoạch và đầu tư xây dựng một số khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn. Ưu tiên bố trí, cơ cấu lại các loại cây, con, sản phẩm chủ lực, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, tạo sự đồng nhất về giống, công nghệ và sản phẩm. Đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, văn minh.

- Đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các loại hình dịch vụ, thương mại, du lịch, tài chính, tín dụng, ngân hàng. Đẩy mạnh xã hội hoá các loại hình dịch vụ. Hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại và hậu cần cho các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp. Phát huy tiềm năng, lợi thế về du lịch văn hóa, du lịch biển và sinh thái. Từng bước hình thành và phát triển thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản; nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, ngân hàng; tăng cường huy động vốn, đảm bảo cho phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường. Rà soát, điều chỉnh, lập các quy hoạch, kế hoạch, chấn chỉnh việc cấp phép, khai thác nhằm sử dụng có hiệu quả tài nguyên, gắn với bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; phát triển kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh cải cách hành chính; bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh; tích cực huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư bằng nhiều hình thức thích hợp.

4.3. Đẩy mạnh xã hội hóa và ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa - xã hội ngang tầm với phát triển kinh tế

- Phát huy truyền thống văn hóa, xây dựng con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về văn hóa. Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá" gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; chú trọng phát triển thể thao thành tích cao.

- Đổi mới căn bản và phát triển toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, năng lực, phẩm chất đạo đức, kỹ

năng sống cho người học. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, quản lý, theo dõi, tư vấn, phân luồng học sinh học nghề từ trung học cơ sở.

- Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường giáo dục y đức, nâng cao trách nhiệm, tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và khám, chữa bệnh cho nhân dân. Chủ động dự báo, phát hiện sớm và kịp thời có các giải pháp phòng, chống các loại dịch bệnh; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng, tăng cường công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Phát triển mạnh các loại hình và cơ sở cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh chất lượng cao.

- Triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách về giải quyết việc làm, gắn với đào tạo nghề, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về giảm nghèo bền vững, các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng chính sách và người lao động. Bảo đảm các quyền trẻ em, tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện. Nâng cao chất lượng các hoạt động bảo đảm bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong xã hội.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành, hoạt động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; xây dựng chính quyền điện tử, gắn kết Nhà nước, nhân dân và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động các loại hình báo chí, chất lượng thông tin và truyền thông, chất lượng phát sóng truyền hình, đảm bảo đúng định hướng và đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống, theo hướng bám sát thực tiễn của đời sống xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới về giống, công nghệ trong sản xuất, chế biến, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

4.4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; thực hiện cải cách tư pháp; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc, cơ sở vững mạnh, cụm an toàn làm chủ - sẵn sàng chiến đấu; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và khả năng sẵn sàng chiến đấu. Tích cực đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Chủ động bám, nắm và dự báo đúng tình hình, bảo đảm an ninh biên giới, biển, đảo, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

- Đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, kiểm sát, xét xử; xử lý nghiêm, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan thông tin truyền thông trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tổ chức thi hành pháp luật. Giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của công dân.

4.5. Tăng cường, đổi mới công tác chính trị tư tưởng; nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân

Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, việc học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ động nắm chắc tình hình diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội. Tăng cường, củng cố đoàn kết, đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện sai trái, chia rẽ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

4.6. Tiếp tục xây dựng, củng cố tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên

Xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Tập trung thành lập, xây dựng, củng cố các tổ chức đảng và đoàn thể trong các doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tăng cường quản lý đảng viên. Rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Tiếp tục đổi mới và làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

4.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh; tập trung chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp, đơn thư khiếu nại, tố cáo tồn đọng kéo dài. Xử lý nghiêm minh, kịp thời các tổ chức, đảng viên vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

4.8. Nâng cao chất lượng công tác dân vận của hệ thống chính trị; tập hợp, động viên, tổ chức cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về công tác dân vận trong tình hình mới; Quyết định 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Đổi mới, tăng cường công tác dân vận chính quyền, dân vận trong lực lượng vũ trang. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; tăng tỷ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên; tiếp tục thực hiện tốt việc giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Lãnh đạo thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân tộc, tôn giáo.

4.9. Đổi mới phương thức chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương

Đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp, các cuộc giám sát của hội đồng nhân dân các cấp; cải tiến hình thức tiếp xúc cử tri. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, tiến hành đồng bộ cả hệ thống Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành trong các cơ quan quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI

1. Tài liệu thi công chức do Trường chính trị Trần Phú chủ trì phối hợp sở Nội Vụ biên soạn tháng 7 năm 2016;
2. Hiến pháp năm 2013 (Chương: I, Chương V, Chương VI, Chương VII, Chương VIII , Chương IX)
3. Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
4. Luật Cán bộ công chức năm 2008;
5. Nghị định 35/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức;
6. Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ Quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;
7. Nghị định 06/2010-/NĐ-CP, ngày 25/1/2010 của Chính Phủ quy định những người là công chức;
8. Thông tư số 01/2011/TT- BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
9. Văn kiện Đại Hội đại biểu đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII;
10. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 4603/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh)
11. Quyết định 33/2011/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh./.